

慧
感
文
集



HUỆ KHẢI

HÀNH TRẠNG
TIỀN KHAI
LÊ VĂN TRUNG
1876-1934

HUỆ KHẢI

HÀNH TRẠNG TIỀN KHAI LÊ VĂN TRUNG 1876-1934

NXB HỒNG ĐỨC

ISBN: 978-604-95-1038-0



9 786049 510380

Sách ấn tống. Không bán.

 NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC



2. Tiên khai Lê Văn Trung lúc làm ủy viên Hội Đồng Chánh Phủ Đông Dương (*Conseil de Gouvernement de l'Indochine*).



1. Thượng Đầu Sư LÊ VĂN TRUNG
(Tây Ninh, trước 22-11-1930)

Ảnh: Walter Bosshard (1892-1975), nhà báo Thụy Sĩ.



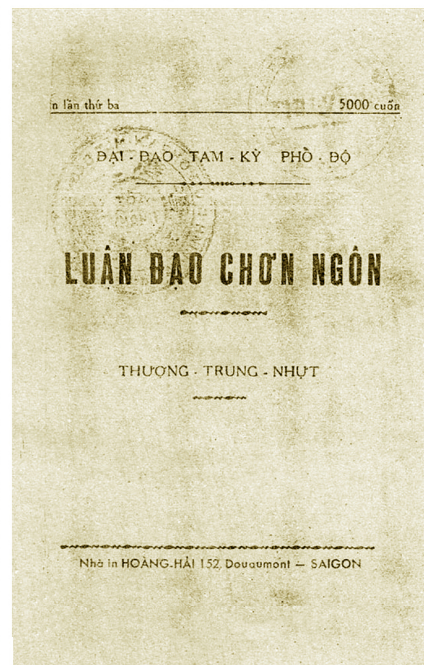
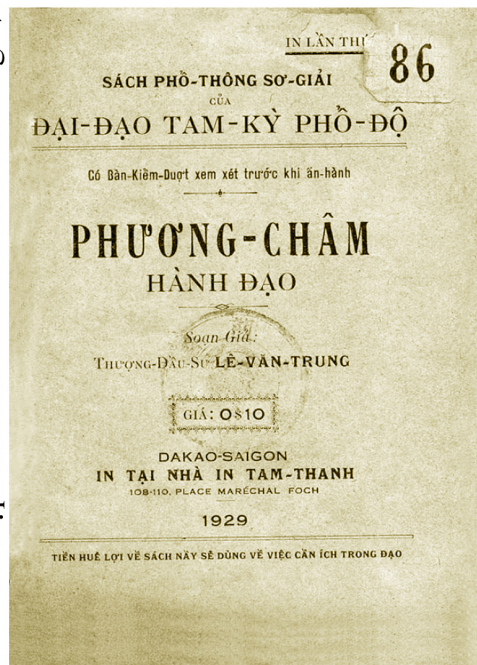
4. Từ trái sang: Giáo Hữu Gabriel Abadie de Lestrac, Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung, Thượng Giáo Sư Latapie, Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh, Thượng Giáo Sư Đặng Trung Chử.



10-1926: PHỔ ĐỘ LỤC TỈNH (nhóm Một)

3. Từ trái sang phải, từ trên xuống: Các vị tiên khai Lê Văn Trung, Trần Đạo Quang, Nguyễn Ngọc Thơ, Cao Quỳnh Cư, Ngô Trung Tín, Phạm Công Tắc, bà Tổng Đốc Phạm Văn Tươi, bà Lâm Hương Thanh. (Chụp trước nhà tiên khai Lâm Hương Thanh, Vũng Liêm). Ảnh tài liệu.

Hai tập sách của tiên khai Lê Văn Trung ▼





6. Thượng Đẩu Sư LÊ VĂN TRUNG
(Tây Ninh, trước 22-11-1930)

Ảnh: Walter Bosshard (1892-1975), nhà báo Thụy Sĩ.



5. Đức Quyền Giáo Tông LÊ VĂN TRUNG (x)
chứng đàn vào một thời cúng trong bữa điện thánh thất tạm
tại làng Long Thành, Tây Ninh. *Ảnh tài liệu.*



8. Phủ thờ Đức Quyền Giáo Tông LÊ VĂN TRUNG
Ảnh: Tony L. (Ninh Phước, Ninh Thạnh, Tp Tây Ninh, 3-2015).



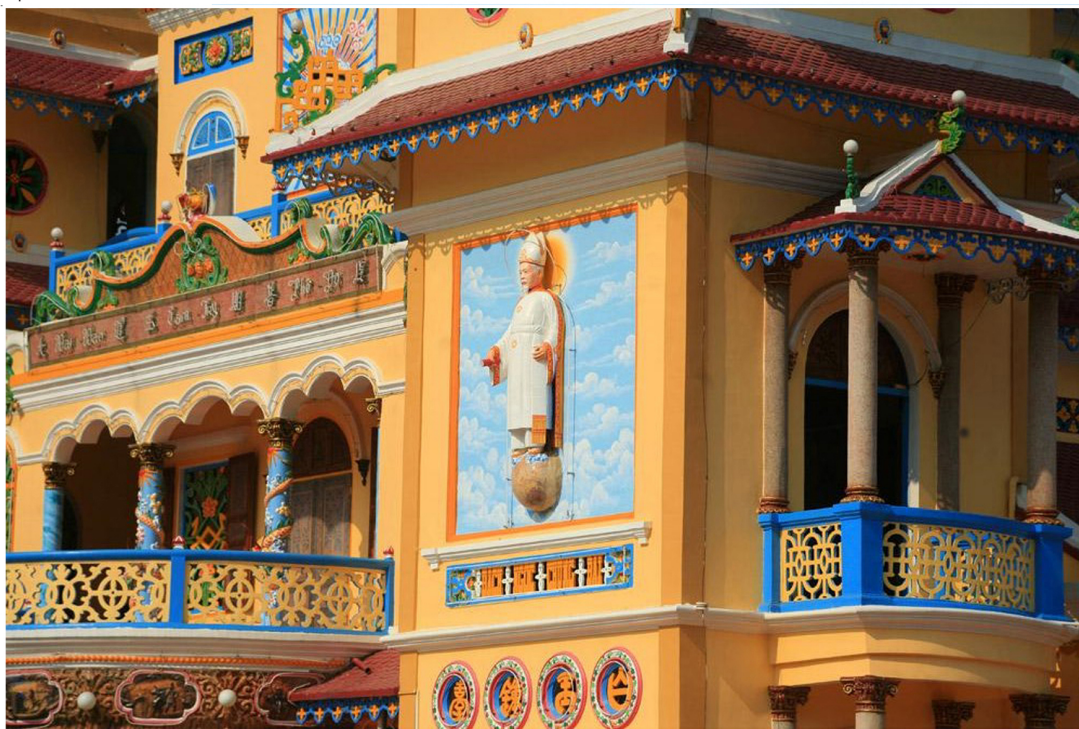
7. Bửu tháp Đức Quyền Giáo Tông LÊ VĂN TRUNG
Ảnh: Tony L. (Hòa Thành, Tây Ninh, 01-2014)



10. Cửu Trùng Thiên
Ảnh: Tony L. (Hòa Thành, Tây Ninh, 8-2014)



9. Giáo Tông Đường
Ảnh: Tony L. (Hòa Thành, Tây Ninh, 8-2014)



Tượng Đức Quyền Giáo Tông LÊ VĂN TRUNG
nơi lầu chuông Đền Thánh Cao Đài Tây Ninh. Ảnh tài liệu.

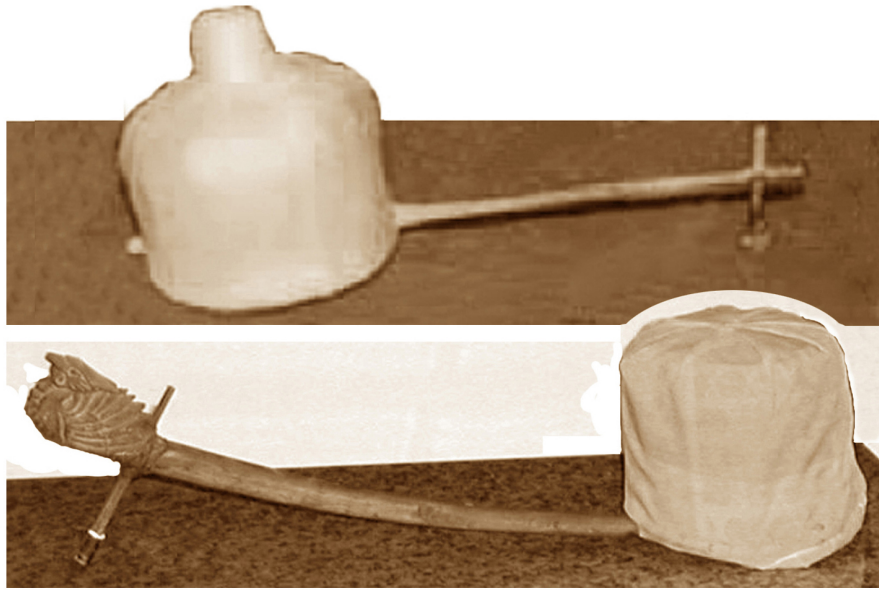


11. ĐẠI ĐỒNG XÃ: Giữa Cửu Trùng Thiên và Đền Thánh là
cội bồ đề do Phật Giáo Sri Lanka tặng, lấy giống từ cội bồ đề
khi xưa Đức Siddhārtha Gautama ngồi thiền và đắc đạo.

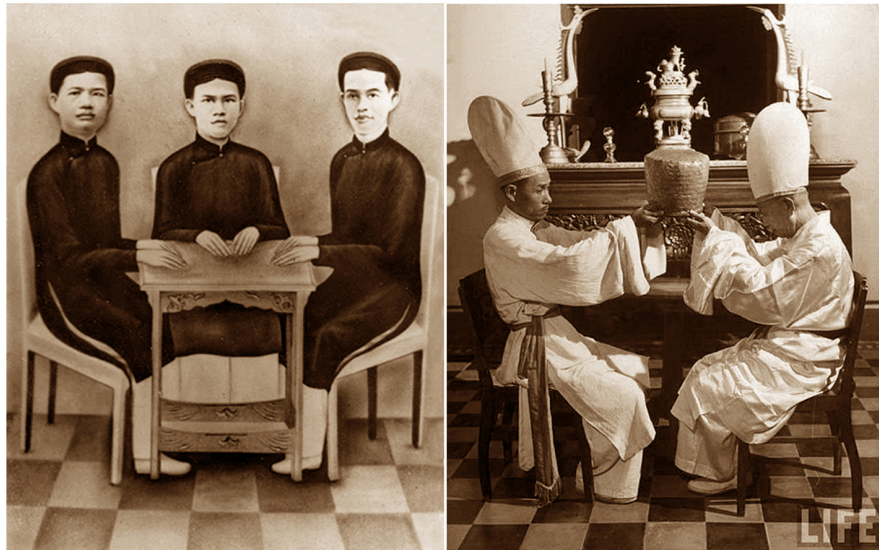
Ảnh: Tony L. (Hòa Thành, Tây Ninh, 8-2014)



12. Đường THƯỢNG TRUNG NHỰT
cặp bên hông Giáo Tông Đường trong nội ô Tòa Thánh.
Ảnh: Tony L. (Hòa Thành, Tây Ninh, 8-2015)



14. Hai kiểu đại ngọc cơ theo truyền thống Á Đông.



Ba vị tiên khai Cao-Phạm
xây bàn. Ảnh tài liệu.

Cầu cơ bằng đại ngọc cơ
Ảnh: tạp chí Life (Mỹ)

13. Đường
Thượng Trung Nhựt
cặp bên hông
Giáo Tông Đường
trong nội ô
Tòa Thánh Cao Đài
Tây Ninh.

<http://wikimapia.org>
truy cập 11-6-2016

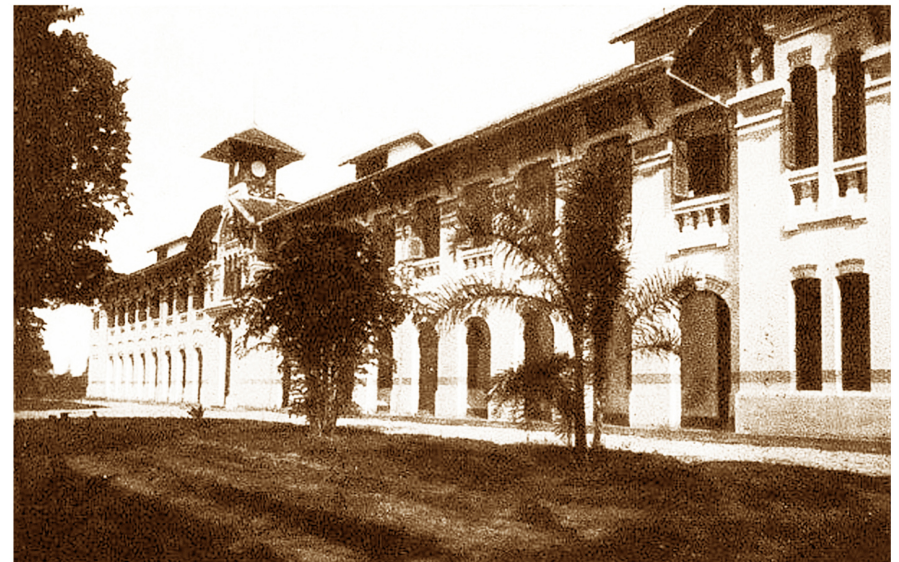




15. Collège Chasseloup-Laubat



16. Phủ Thống Đốc Nam Kỳ
(*Palais de Gouvernement de la Cochinchine*)
trên đường De La Grandière, Sài Gòn,
nơi tiền khai Lê Văn Trung nộp Tờ Khai Đạo (1926).



Collège des Jeunes Filles indigènes (trường Áo Tím)

HÀNH TRẠNG
TIỀN KHAI LÊ VĂN TRUNG
1876-1934



Huệ Khải, *ký họa bút chì / pencil sketch by Bửu Long*

Quyển 103.1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo

HUỆ KHẢI
(Dũ Lan Lê Anh Dũng)

HÀNH TRẠNG
TIỀN KHAI LÊ VĂN TRUNG
1876-1934

Nhà xuất bản **HỒNG ĐỨC**
Hà Nội 2017



Ấn tổng lần thứ nhất ba ngàn quyền
do đạo hữu **THANH TÂM**
môn sanh **Chiếu Minh Long Vân Đàn (Mỹ Tho)**
công quả **18.500.000 đồng** (trích đợt 88).
Kính thành hồi hướng cứu huyền thất tổ.
Đồng hiệp tâm cầu nguyện quốc thái dân an,
đạo pháp trường lưu, chánh giáo hồng dương,
Đại Đạo Cao Đài quy nguyên thống nhất,
vạn linh thức tỉnh hồi đầu, đồng đăng bỉ ngạn.

ĐÔI LỜI THA THIẾT

Quý vị vui lòng **KHÔNG photocopy, KHÔNG mua bán** bất kỳ kinh sách nào do *Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo* thực hiện.

Trân trọng kính mời quý vị liên hệ với các điểm phát hành của chúng tôi tại các tỉnh, thành, quận, huyện để thỉnh các ấn phẩm chánh thức (kính biểu).

Kinh sách được ấn tổng để kính biểu rộng rãi là nhờ có biết bao tấm lòng vàng của hàng hàng lớp lớp đạo tâm gần xa gởi gắm. Để không phụ lòng các bậc Mạnh Thường Quân ấy, xin quý vị trân trọng giữ gìn kinh sách để truyền trao cho đúng người thật tâm tìm tu, học đạo.

Ban Ấn Tổng chân thành biết ơn sự thấu hiểu, đồng cảm, và hợp tác chặt chẽ của quý vị.

MỤC LỤC

<i>Giao Cảm</i>	6
Niên Biểu Tiền Khai Lê Văn Trung 1876-1934	9
<i>Phụ bản</i>	65
<i>Phụ lục:</i> Chí Sĩ Nguyễn Quang Diêu Viết Văn Tế Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung	81
<i>Sách tham khảo</i>	92

HUỆ KHẢI Lê Anh Dũng
giữ bản quyền © All rights reserved.

GIAO CẢM

Không kể các tự truyện (*autobiographies*) hay hồi ký (*memoirs*), phép chép sử xưa nay thường phổ biến ba thể loại:

- thông sử (*general / narrative / comprehensive history*),
- kỷ truyện (*biographies*), và
- biên niên sử (*chronological history*).

Thông sử và kỷ truyện là hai thể loại dễ đọc, nếu người viết có thể cố kết mạch lạc các sự kiện kèm thêm chút bình luận đúng đắn, chừng mực. Trước đây, tôi đã xuất bản ba tập sách nhỏ, tạm xem là viết theo lối thông sử:

- *Lịch Sử Đạo Cao Đài Thời Kỳ Tiền Ấn 1920-1926* (Huế: Nxb Thuận Hóa, 1996).

- *Lịch Sử Thánh Thất Cao Đài Thủ Đô Hà Nội* (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2015).

- *Lược Sử Đạo Cao Đài: Khai Minh Đại Đạo 1926* (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2015).

Ngoài ra, viết theo lối kỷ truyện, có quyển *Ngô Văn Chiêu – Người Môn Đệ Cao Đài Đầu Tiên* (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2008, 2009, 2012).

Trong quá trình làm việc, tôi gặp một trở ngại lớn: Xác định ngày tháng năm các sự kiện lịch sử. Do đó, tôi đã nghĩ tới việc tích lũy tài liệu cho dự định viết biên niên sử Cao Đài.

Sử biên niên có nhược điểm là khô khan, các sự kiện cùng một nhân vật hay một vấn đề không được nối kết mà lại phân tán rải theo dòng thời gian. Nhưng ưu điểm của nó là cho phép người viết trình bày vấn đề không cần bình luận, có thể tạm thời gác lại một số sự kiện chưa được khảo chứng, hoặc chưa nên công bố vì thời gian chưa chín muồi, chưa thích hợp. Hơn thế nữa, khi thiết lập được sử biên niên, sẽ có căn cứ rất hữu ích, góp phần trợ giúp khảo chứng các sử liệu.

Viết một vài đề tài về sử Cao Đài theo lối biên niên, tôi đã xuất bản:

- *Hành Trạng Tiền Bối Cao Triều Phát* (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2010, 2012, soạn chung với hiền tỷ Cao Bạch Liên).

- *Cám Đạo Cao Đài Ở Trung Kỳ 1928-1950* (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2012).

- *Hành Trạng Tiền Khai Nguyễn Ngọc Tương* (Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2016).

Tiếp nối công việc ghi chép biên niên, giờ đây *Hành Trạng Tiền Khai Lê Văn Trung 1876-1934* hân hạnh được gửi đến quý đạo hữu.

Tôi xin hết lòng tạ ơn quý vị Mạnh Thường Quân đã tin

cậy và thương mến *Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo* nên suốt từ giữa năm 2008 tới nay vẫn thường xuyên tài trợ để cho tập sách nhỏ này cũng như hơn trăm nhan đề khác được nối tiếp nhau phát hành rộng khắp trong cả nước. Đây cũng là một nỗ lực đầy ý thức để cộng đồng áo trắng chúng ta tích cực công quả, góp phần phổ thông giáo lý và xương minh chánh pháp Cao Đài, cùng hiệp tâm thương Thầy mến Đạo mà hướng lòng về thời điểm kỷ niệm một trăm năm khai sáng đạo Cao Đài (1926-2026), với hoài mong sớm có ngày vui mừng cùng nhìn thấy được một thực tướng Cao Đài thống nhất, ngõ hầu làm chứng cho lời Thầy báo trước: *Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà*.

Con cúi xin Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ ban ơn lành đến toàn thể các vị ân nhân và cửu huyền thất tổ của những vị con mãi mang ơn.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Phú Nhuận, tháng Mười Hai 2016.

Huệ Khải

NIÊN BIỂU TIỀN KHAI LÊ VĂN TRUNG 1876-1934

1876 (Bính Tý):

Tiền khai Lê Văn Trung sinh tại làng Phước Lâm, tổng Phước Điền Trung, quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn. Song thân là ông Lê Văn Thanh (1845-1878) và bà Văn Thị Xuân (1849-1912), thuộc thành phần tiểu nông.⁽¹⁾ Em tiền khai Lê Văn Trung là Lê Văn Diệu, dạy tiếng Pháp, rồi làm thầu khoán xây dựng đường sắt, sau được phong huyện hàm (*huyện honoraire*).

1878 (Mậu Dần):

Thân phụ tiền khai Lê Văn Trung (ông Lê Văn Thanh, sinh năm 1845) qua đời, an táng tại làng Phước Lâm, tổng Phước Điền Trung, quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn.

1894 (Giáp Ngọ):

Tiền khai Lê Văn Trung tốt nghiệp collège Chasseloup-Laubat,⁽²⁾ Sài Gòn.

⁽¹⁾ *Tiểu nông*: Người có (hay thuê) chút ít ruộng đất, vườn tược nhỏ, làm vừa đủ ăn.

⁽²⁾ Lược sử trường Chasseloup-Laubat: Pháp thành lập école

THỨ BẢY 14-7-1894 (12-6 Giáp Ngọ):

Tiền khai Lê Văn Trung thi đậu ngạch thư ký, được tuyển vào làm ở phòng Nhì⁽³⁾ của Phủ Thống Đốc Nam Kỳ (*Palais du Gouvernement de la Cochinchine*).⁽⁴⁾

Normale colonial (trường sư phạm thuộc địa, 10-7-1871); xây trên nền cũ chùa Khải Tường (12-8-1871). Đổi tên thành collège Indigène (trường bản xứ, 1874). Đổi tên thành collège Chasseloup-Laubat (1876), chia ra khu Âu (*quartier européen*) và khu bản xứ (*quartier indigène*). Tách khu bản xứ nhập sang collège de Cochinchine (trung học Nam Kỳ, 15-7-1927). Collège de Cochinchine đổi tên thành lycée Petrus Ký, còn collège Chasseloup-Laubat đổi tên thành lycée Chasseloup-Laubat (1928). Từ 1966 tới nay lycée Chasseloup-Laubat đổi tên là trường trung học Lê Quý Đôn.

Chasseloup-Laubat là Bộ Trưởng Hải Quân và Thuộc Địa của triều đình Pháp, chủ trương chiếm Sài Gòn để làm căn cứ thuận lợi cho quân viễn chinh Pháp ở Viễn Đông. Ông ta tác động vua Napoléon III rất nhiều trong chính sách xâm lược, cướp Nam Kỳ làm thuộc địa.

[Huệ Khải 2012: 38].

⁽³⁾ Phòng Nhì (*2e bureau*) là cơ quan dân sự, có nhiệm vụ: “*Chuyên về công việc cầu đường, nhà cửa, cùng các sở coi việc. Chịu giấy làm giá cả. Giấy hiệp đồng, lãnh biện vật hạng cùng công việc làm. Suy tính, làm giấy lãnh tiền về đồ dùng cùng công việc làm. Các kho dự trữ, cấp phát vật hạng. Đồ dùng xưa cùng đồ công nhu cho các phòng. Việc đường sá. Phân đường lộ, lấy mực cất nhà, mực đường. Xét dọn bộ sổ vật hạng, cùng bộ sổ công việc làm.*”

[Paulus Của 1888: 13].

⁽⁴⁾ Nay là Bảo tàng TpHCM, số 65 Lý Tự Trọng, quận 1.

THỨ BA 06-3-1906 (12-02 Bính Ngọ):

Đơn xin nghỉ việc của tiền khai Lê Văn Trung được Thống Đốc Nam Kỳ François Pierre Rodier⁽⁵⁾ chấp thuận. Sau mười hai năm làm công chức, tiền khai thôi việc để ra ứng cử và đắc cử Hội Đồng Quản Hạt (*Conseil Colonial de Cochinchine*),⁽⁶⁾ đại diện cho Sài Gòn, và các tỉnh Gia

⁽⁵⁾ François Pierre Rodier, ngạch thống đốc các thuộc địa (*gouverneur des colonies*), được bổ nhiệm làm Thống Đốc Nam Kỳ ngày 21-10-1902. Trong lúc Rodier vắng mặt, Olivier Charles Arthur de Lalande-Calan là Thanh Tra Dân Sự Vụ (*inspecteur des Services civils*) được bổ làm Quyền Thống Đốc (*lieutenant-gouverneur par intérim*) ngày 02-3-1906, nhậm chức ngày 10-3-1906. Rodier tái nhiệm ngày 02-01-1907.

⁽⁶⁾ Bảy giờ ngoài mười nghị viên người Pháp, Hội Đồng Quản Hạt có sáu nghị viên người Việt do đại diện các hương chức Nam Kỳ bầu cử. Dân Nam Kỳ thời ấy gọi nghị viên là “ông Hội Đồng”, gọi vợ nghị viên là “bà Hội Đồng”. Tiền khai Lê Văn Trung đắc cử liên tiếp hai khóa, tổng cộng tám năm.

Trong khóa đầu của Lê tiền khai, có sự kiện Quyền Thống Đốc Nam Kỳ Ernest Outrey đưa ra Hội Đồng dự thảo *lục hạng điền* (sáu loại ruộng phải đánh thuế) bất lợi cho nông dân Nam Kỳ. Tiền khai Lê Văn Trung và ông Diệp Văn Cương (đại diện tỉnh Bến Tre) cùng bốn nghị viên người Việt nữa phản đối, nhưng người Pháp vì đa số đã thắng thế. Sáu nghị viên người Việt cùng từ chức đồng loạt. Khóa sau, sáu người tái ứng cử, chỉ đắc năm, còn Hội Đồng Hoài thất cử.

Ghi chú: Outrey hai lần làm Quyền Thống Đốc Nam Kỳ thay cho Thống Đốc Louis Alphonse Bonhoure. Lần đầu từ 18-02-1908 đến 23-9-1908. Lần sau từ 09-01-1909 đến 15-6-1909.

Định, Chợ Lớn, Gò Công, Tây Ninh.

CHỦ NHẬT 26-8-1906 (07-7 Bính Ngọ):

Một nghị định bổ nhiệm các nghị viên cho Hội Đồng Địa Phương Cải Thiện Giáo Dục Bản Xứ Tại Nam Kỳ (*Comité local de perfectionnement de l'enseignement indigène en Cochinchine*). Trong số vài nghị viên người Việt có tiền khai Lê Văn Trung bấy giờ đang là nghị viên Hội Đồng Quản Hạt.⁽⁷⁾

1911 (Tân Hợi):

Tiền khai Lê Văn Trung vận động các nhân vật tại mắt ở Sài Gòn xây dựng trường trung học đầu tiên dành cho nữ sinh. Năm 1913 trường được khởi công xây dựng; năm 1915 trường khánh thành và khai giảng khóa đầu tiên. Trường tên là *collège des Jeunes Filles indigènes*, tục gọi trường Áo Tím, vì ngày lễ nữ sinh mặc đồng phục áo dài tím Huế và quần trắng thay cho áo bà ba ngày thường.⁽⁸⁾

1912 (Nhâm Tý):

Thân mẫu tiền khai Lê Văn Trung (bà Văn Thị Xuân,

⁽⁷⁾ *Journal officiel de l'Indochine*, 1907, p. 969. Dẫn trong *Địa Chí Văn Hóa Tp.HCM*, tập II. Nxb TpHCM, 1998, tr. 715.

⁽⁸⁾ Năm 1953 trường đổi tên là trường nữ trung học Gia Long, áo dài tím thay bằng áo dài trắng. Sau năm 1975 đổi tên là trường phổ thông cấp 2-3 Nguyễn Thị Minh Khai. Từ niên khóa 1978-1979, bỏ cấp 2, thu nhận luôn nam sinh, đổi tên là trường trung học phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai.

sinh năm 1849) qua đời, an táng tại làng Phước Lâm, tổng Phước Điền Trung, quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn.

THỨ BẢY 18-5-1912 (02-4 Nhâm Tý):

Tiền khai Lê Văn Trung được Chánh Phủ Pháp tặng thưởng Bắc Đẩu Bội Tinh hạng Năm (*Chevalier de la Légion d'Honneur*).⁽⁹⁾

THỨ NĂM 10-12-1914 (23-10 Giáp Dần):

Sau tám năm làm nghị viên Hội Đồng Quản Hạt, tiền khai Lê Văn Trung được chọn làm nghị viên Hội Đồng Chánh Phủ Đông Dương (*Conseil de Gouvernement de l'Indochine*), tên thường gọi bấy giờ là *Thượng Nghị Viện Đông Dương*.⁽¹⁰⁾

⁽⁹⁾ Bắc Đẩu Bội Tinh (*la Légion d'Honneur*) là huân chương cao quý nhất của nước Pháp, tặng thưởng cho quân và dân, do Hoàng Đế Napoléon Bonaparte (1769-1821) lập ra năm 1802, chia làm năm hạng từ thấp lên cao như sau: *Chevalier* (hiệp sĩ), *Officier* (sĩ quan), *Commandeur* (chỉ huy), *Grand Officier* (đại sĩ quan), và *Grand Croix* (đại thập tự).

⁽¹⁰⁾ Hội Đồng này ban sơ tên là *Conseil supérieur de l'Indochine* (Hội Đồng Tối Cao Đông Dương), thành lập do sắc lệnh của Tổng Thống Pháp ngày 17-10-1887, cùng ngày thành lập Liên Bang Đông Dương (*Union indochinoise*). Toàn Quyền Đông Dương đứng đầu Hội Đồng. Hội Đồng tư vấn cho Toàn Quyền Đông Dương về ngân sách, thuế khóa, thiết lập các thành phố, các phòng thương mại, các phòng canh nông, chế độ báo chí... Các nghị viên của Hội Đồng gồm có: Tổng Tư Lệnh Bộ Binh Pháp ở Đông Dương, Tổng Tư Lệnh Hải Quân Pháp ở Viễn

1915 (Ất Mão):

Tại Sài Gòn ông Nguyễn Liên Phong xuất bản *Điều Cổ Hạ Kim Thi Tập*,⁽¹¹⁾ trong đó ông ca tụng tiền khai Lê Văn Trung qua bài thất ngôn bát cú như sau:

Ra tài Quản Hạt bấy thu chầy⁽¹²⁾

Quan chuộng dân yêu hội hiệp vậy

Đông, Tổng Thơ Ký Phủ Toàn Quyền Đông Dương, Chánh Quan Tư Pháp, Giám Đốc Thương Chánh Và Độc Quyền, Thống Đốc Nam Kỳ, Tổng Trú Sứ Trung-Bắc Kỳ, Khâm Sứ ở Cao Miên. Khi Tổng Trú Sứ Trung-Bắc Kỳ bị bãi bỏ (09-5-1889) thì thay vào là Thống Sứ Bắc Kỳ và Khâm Sứ Trung Kỳ. Khi Lào có chức Khâm Sứ (19-4-1899) thì Hội Đồng có thêm nghị viên là Khâm Sứ Lào.

Hội Đồng ngưng hoạt động năm 1894. Ngày 03-7-1897 Tổng Thống Pháp ra sắc lệnh tái lập Hội Đồng. Ngày 20-10-1911 Tổng Thống Pháp ra sắc lệnh đổi tên Hội Đồng là *Conseil de Gouvernement de l'Indochine* (Hội Đồng Chánh Phủ Đông Dương). Với tên gọi mới này, Hội Đồng có thêm ba nghị viên người bản xứ do Toàn Quyền chỉ định hàng năm, chọn trong số các thân hào, nhân sĩ (*notables*) ở Nam Kỳ, Trung Kỳ, Bắc Kỳ và Cao Miên (mỗi nơi chọn một nghị viên).

Không nên hiểu *Thượng Nghị Viện* ở Nam Kỳ thuộc Pháp (*Cochinchine française*) theo nghĩa là một trong hai cơ quan lập pháp của *Quốc Hội* ở một số nước (gồm *Thượng Nghị Viện* và *Hạ Nghị Viện*). [Huệ Khải 2010: 13-14].

⁽¹¹⁾ *Điều cổ* 弔古: Thương viếng người xưa (chết). *Hạ kim* 賀今: Mừng tặng người nay (sống). *Thi Tập* 詩集: Tập thơ.

⁽¹²⁾ *Quản Hạt*: Hội Đồng Quản Hạt. *Bấy thu chầy*: Ngần ấy năm dài.

Lòng dạ thẳng ngay, gương vặc vặc ⁽¹³⁾
 Tiếng tăm khen ngợi, tiết hây hây ⁽¹⁴⁾
 Thương trường mở cuộc buồm xuôi gió
 Thượng Viện ⁽¹⁵⁾ gặp thời chí lướt mây
 Nhờ đức thung huyền ⁽¹⁶⁾ vun quén sẵn
 Lộc Trời ơn nước, phước gồm may. ⁽¹⁷⁾

1920 (Canh Thân):

Việc kinh doanh của tiền khai Lê Văn Trung ngày một suy kém. ⁽¹⁸⁾

THỨ BA 26-10-1920 (15-9 Canh Thân):

Tiền khai Ngô Văn Chiêu (1878-1932) đổi ra đảo Phú Quốc làm chủ quận.

THỨ BA 08-02-1921 (01-01 Tân Dậu):

Tại chùa Quan Âm trên đảo Phú Quốc, tiền khai Ngô Văn Chiêu trở thành đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài Tiên Ông (Ngọc Hoàng Thượng Đế).

⁽¹³⁾ *Gương vặc vặc*: Gương sáng tỏ rõ, sáng trưng. Ngày nay hay nói là (*sáng*) *văng vặc*.

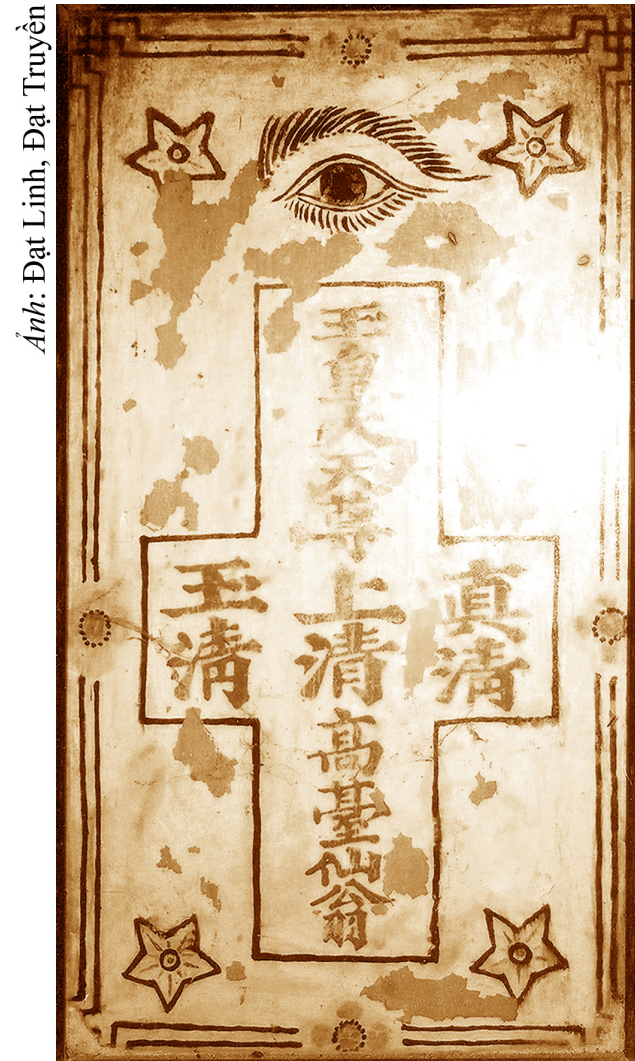
⁽¹⁴⁾ *Tiết hây hây*: Khí tiết vẫn toàn vẹn, không sút mẻ, không mất đi. Ngày nay *hây hây* nghĩa là hơi đỏ, đỏ đỏ.

⁽¹⁵⁾ *Thượng Viện*: Thượng Nghị Viện Đông Dương.

⁽¹⁶⁾ *Thung* (hay *xuân*) 椿: Cha. *Huyền* 萱: Mẹ.

⁽¹⁷⁾ *Phước gồm may*: Vừa có phước vừa may mắn.

⁽¹⁸⁾ Tiền khai Lê Văn Trung làm kinh doanh sau khi thôi làm công chức ở Phủ Thống Đốc Nam Kỳ (1906).



Ảnh: Đạt Linh, Đạt Truyền

Thánh tượng Thiên Nhân ban sơ tại Phú Quốc do tiền khai Ngô Văn Chiêu truyền lại.

THỨ TƯ 20-4-1921 (13-3 Tân Dậu):

Lúc tám giờ sáng, tiền khai Ngô Văn Chiêu đang ngồi trên võng, phía sau dinh quận Phú Quốc, nhìn ra biển khơi, chợt thấy trước mặt hiện rõ con mắt trái thật lớn, hào quang chói lọi. Tiền khai sợ, lấy tay che mắt. Hồi lâu, mở mắt ra nhìn, cảnh tượng vẫn còn. Tiền khai chấp tay, khẩn xin Tiên Ông cho con mắt biến đi, nếu như Tiên Ông muốn tiền khai thờ con mắt. Sau đó, con mắt mờ dần rồi mất hẳn. Tuy nhiên, Ngô tiền khai vẫn phân vân. Vài hôm sau, tiền khai lại nhìn thấy cảnh tượng y như vậy, và cũng chỉ sau khi khẩn, hứa xin thờ Thiên Nhân thì con mắt mới biến đi.

Khoảng vài ngày sau khi Thiên Nhân xuất hiện lần thứ hai, Ngô tiền khai đến hầu đàn tại chùa Quan Âm. Tiên Ông dạy tiền khai vẽ lại Thiên Nhân (con mắt trái) như đã mục kích để thờ. dịp này, Tiên Ông xưng hồng danh là *Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát*,⁽¹⁹⁾ dạy tiền khai gọi Đức Cao Đài bằng *Thầy*.

1924 (Canh Tý):

Tiền khai Lê Văn Trung hoàn toàn thua lỗ trong kinh doanh. Vì buồn phiền, tiền khai hút thuốc phiện; thị lực giảm sút, đôi mắt gần như mù.

THỨ BA 29-7-1924 (28-6 Giáp Tý):

Tiền khai Ngô Văn Chiêu rời đảo Phú Quốc; hôm sau về

⁽¹⁹⁾ 高臺仙翁大菩薩摩訶薩

tới Sài Gòn. Trước ngày rời Phú Quốc, tiền khai được Đức Cao Đài khen ngợi vì đã tinh tấn tu học tròn vẹn ba năm (1921-1924):

*Ba năm lòng sáng như son
Trèo non xuống biển vuông tròn công phu.*

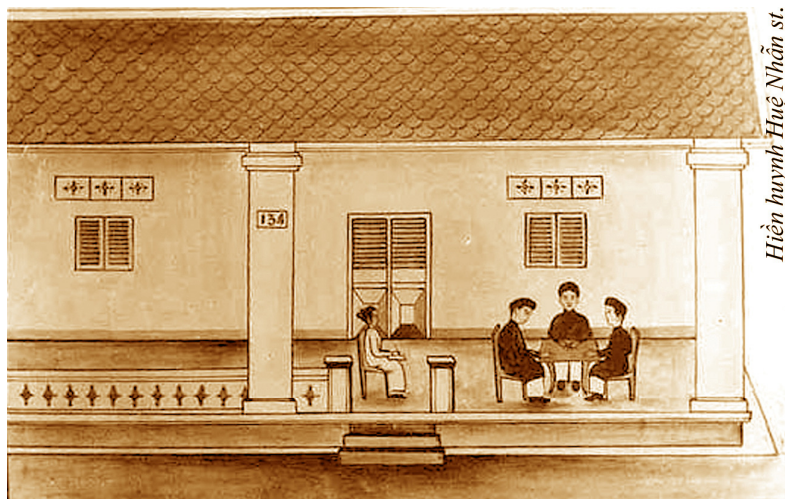
...

*Giờ này Thầy điểm thâm công
Ngày sau con sẽ cõi rồng về nguyệtên.*

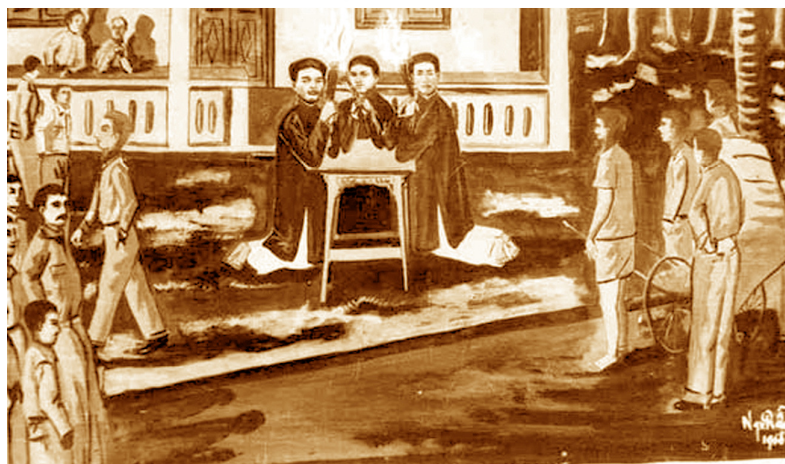
Khoảng tháng 6-1925 (tháng 4 nhuận Ất Sửu):

Tiền khai Lê Văn Trung có người bà con là tiền bối Nguyễn Hữu Đắc (1897-1974), môn sanh Minh Lý Đạo, ngụ tại số 100 Lục Tỉnh, Chợ Lớn (nay là đường Hùng Vương, quận 6). Tiền bối Đắc đưa tiền khai Trung đến hầu đàn Chợ Gạo, thiết lập tại nhà ông Vạn⁽²⁰⁾ ở ngã ba Bà Kế (nay là ngã ba Phú Lâm và Hùng Vương, quận 6, Chợ Lớn) để bá tánh đến cầu Thần Tiên thỉnh thuốc trị bệnh. Đức Lý Thái Bạch giáng đàn khuyên tiền khai Lê Văn Trung nên tỉnh mộng trần mà lo việc tu hành. Tiền khai bắt đầu ăn chay, bỏ hút thuốc phiện, và đôi mắt dần dần phục hồi thị lực. Sau khi Đức Lý độ được tiền khai Trung rồi thì Ôn Trên ban lệnh bẻ đàn Chợ Gạo. Về phần tiền khai, sự mầu nhiệm ở đàn Chợ Gạo khiến tiền khai tin tưởng cơ bút để rồi vài tháng sau thành tâm tìm đến **nhà tiền khai Cao Quỳnh Cư vào Thứ Hai 11-01-1926 (27-11 Ất Sửu)**.

⁽²⁰⁾ Có sách bảo ông là *Nguyễn Bá Vạn*, hoặc là *Lê Thành Vạn*.



Tháng 7-1925, nhà số 134 Bourdais: Ba vị tiên khai Cao-Phạm xây bàn. Tiên khai Hương Hiếu làm điển ký (ghi chép). Tiệm ảnh Phú Sĩ (Tây Ninh) vẽ (tiên khai Hương Hiếu chỉ dẫn).



15-12-1925: Ba vị tiên khai Cao-Phạm vọng Thiên cầu Đạo. Lễ Sanh Thái Rẫy Thanh vẽ (tiên khai Hương Hiếu chỉ dẫn).

CHỦ NHẬT 26-7-1925 (06-6 Ất Sửu):

Buổi tối, tại nhà tiên khai Cao Hoài Sang trên phố Hàng Dừa ở Sài Gòn (đường D'Arras, nay là Công Quỳnh, quận 1), ba vị Cao Quỳnh Cư (1888-1929), Phạm Công Tắc (1890-1959), và Cao Hoài Sang (1901-1971) lần đầu tiên thành công khi dùng phương pháp xây bàn (*la table tournante*) của phương Tây⁽²¹⁾ và tiếp được chơn linh Cao Quỳnh Tuân là thân phụ tiên khai Cao Quỳnh Cư. Tiên khai Nguyễn Thị Hương (tức Hiếu, 1887-1971, bà Cao Quỳnh Cư) làm điển ký (ghi chép) trong các buổi xây bàn.

THỨ SÁU 28-8-1925 (10-7 Ất Sửu):

Buổi tối, tại nhà tiên khai Cao Quỳnh Cư ở số 134 đường Bourdais, Sài Gòn (nay là đường Calmette, quận 1), ba vị Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, và Cao Hoài Sang tiếp được một Đấng xưng là AĂĂ, một tá danh của Đức Cao Đài Thượng Đế.⁽²²⁾

⁽²¹⁾ Nhiều sách đạo Cao Đài viết là *xây bàn*, theo cách đọc và viết ở Nam Kỳ thời xưa. Ngày nay đọc và viết là *xoay*. Ca dao có câu: *Bốn mùa bông cúc nở xây / Để coi Trời khiến duyên này về ai.*

⁽²²⁾ A do Alpha hay α (con chữ đầu tiên của bảng chữ cái Hy Lạp), tượng trưng đầu mỗi của vũ trụ vạn vật, tức là Thái Cực với biểu tượng cổ là ☯. Thái Cực sinh Lưỡng Nghi (âm dương). Ǻ và Ǻ là biến thể của A, như là âm và dương. Dấu ∨ trên chữ Ǻ trông giống phần âm ngửa lên, màu đen ☯; dấu ^ trên chữ A trông giống phần dương úp xuống, màu trắng ☯ trong biểu tượng ☯. Có thể hiểu AĂĂ là một cách biểu thị

TRUNG TUẦN THÁNG 9-1925 (hạ tuần tháng 7 Ất Sửu):

Theo lệnh Ôn Trên, các tiền khai Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, và Cao Hoài Sang ở phố Hàng Dừa ngưng xây bàn (*la table tournante*), chuyển sang dùng đại ngọc cơ (*la corbeille à bec*) để cầu Tiên theo phương pháp cổ truyền của đạo Lão.

THỨ BA 06-10-1925 (19-8 Ất Sửu):

Tiền khai Lê Văn Trung làm đơn xin rút lui khỏi Thượng Nghị Viện Đông Dương (*Conseil de Gouvernement de l'Indochine*: Hội Đồng Chánh Phủ Đông Dương).⁽²³⁾

THỨ BA 15-12-1925 (30-10 Ất Sửu):

Đức AẤẤ lâm đàn, dạy ba vị tiền khai Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, và Cao Hoài Sang:

“Ngày mồng một tháng mười một này tam vị phải vọng Thiên cầu Đạo. Tắm gội cho tinh khiết, ra quỳ giữa trời, cầm chín cây nhang mà vái rằng: Ba tôi là Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, vọng bái Cao Đài

Thái Cực âm dương. Vì thế, cũng như Thái Cực, AẤẤ biểu thị Thượng Đế vô ngã (*impersonal God*). [Huệ Khải 2012: 30]

⁽²³⁾ Trong thư ngày 04-3-1934 gửi Tổng Thống Pháp Albert François Lebrun (nhiệm kỳ 1932-1940) nói về việc trả lại Bắc Đẩu Bội Tinh, Lê tiền khai cho biết đã làm việc ở Thượng Nghị Viện trong khoảng mười hai năm (*estimé pendant douze ans*), như vậy có lẽ qua năm 1926 đơn xin nghỉ của Lê tiền khai mới được chấp thuận.

Thượng Đế ban ơn đủ phúc lành cho ba tôi cải tà quy chánh.”

Đó là lần đầu tiên các tiền khai được nghe hồng danh Cao Đài Thượng Đế.

THỨ TƯ 16-12-1925 (01-11 Ất Sửu):

Ba vị tiền khai Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, và Cao Hoài Sang làm lễ vọng Thiên cầu Đạo, trở thành môn đệ Đức Cao Đài.

THỨ HAI 11-01-1926 (27-11 Ất Sửu):

Tiền khai Lê Văn Trung đến thăm các tiền khai Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, và Cao Hoài Sang. Bốn vị lập đàn cầu cơ tại nhà tiền khai Cư (134 Bourdais, quận 1, nay là đường Calmette). Đức Cao Đài giảng và dạy tiền khai Lê Văn Trung:

*Già trí đừng lo trí chẳng già
Lương tâm mình biết hỏi chi xa
Thêm đầu Trời ngó lòng như đạo
Hư thiệt rồi đây cũng biết mà.*⁽²⁴⁾

THỨ HAI 18-01-1926 (05-12 Ất Sửu):

Đức Cao Đài Tiên Ông dạy hai tiền khai Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc đem ngọc cơ đến nhà tiền khai Lê Văn Trung ở Quai Testard, Chợ Lớn.⁽²⁴⁾ Đức Cao Đài lâm đàn

⁽²⁴⁾ [Hương Hiếu I: 37].

thâu nhận tiền khai Lê Văn Trung làm môn đồ, và dạy:

“Trung, nhứt tâm nghe con. Sống cũng nơi Thầy, thành cũng nơi Thầy mà đọa cũng nơi Thầy. Con lấy sự sáng của con mà suy lấy.” ⁽²⁶⁾

THỨ SÁU 22-01-1926 (09-12 Ất Sửu):

Buổi tối lập đàn tại nhà tiền khai Đoàn Văn Bản (1876-1941), số 42 Général Leman, quận 1, Sài Gòn (nay là đường Cao Bá Nhạ, góc Trần Đình Xu). Đức Cao Đài gọi tên năm vị Vương Quan Kỳ, Lê Văn Trung, Đoàn Văn Bản, Cao Quỳnh Cư, và Phạm Công Tắc: *“Kỳ, Trung, Bản, Cư, Tắc nghe dạy!”* Rồi Thầy ban cho bài thất ngôn tứ tuyệt:

*Mặt nhứt hồi mô thấy xẻ hai
Có thương mới biết Đấng Cao Đài
Cũng con cũng cái đồng môn đệ
Bụng muốn phân chia hỏi bởi ai.* ⁽²⁷⁾

Sau đàn cơ này, trong khoảng trung tuần tháng 12 Ất Sửu (hạ tuần tháng 01-1926), Đức Cao Đài dạy các tiền

⁽²⁵⁾ Quai Testard (nay là đường Châu Văn Liêm, quận 5) không phải là đường Testard (quận 3, Sài Gòn; năm 1955 đổi tên là Trần Quý Cáp, từ ngày 14-8-1975 đổi tên là Võ Văn Tần). Tiền khai Lê Văn Trung lúc sau dọn về số 319 đường Cây Mai (nay là Nguyễn Trãi), đến năm 1928 thì về Tòa Thánh Tây Ninh.

⁽²⁶⁾ [Nguyễn Trung Hậu 1957: 18].

⁽²⁷⁾ Ngày và nơi lập đàn này ghi theo [Huệ Nhẫn 2005: 168-169]. Nhưng [Hương Hiếu I: 41] không ghi nơi lập đàn, và ghi ngày 21-01-1926.

khai Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, và Cao Hoài Sang đến gặp tiền khai Ngô Văn Chiêu xin chỉ dẫn cách thờ phượng. Thầy dạy các vị phải hiệp cùng tiền khai Ngô Văn Chiêu lo mở đạo Cao Đài, và phải kính tiền khai Chiêu là *Anh Cả*.⁽²⁸⁾ Ngô tiền khai truyền lại thánh tượng Thiên Nhân, hướng dẫn cách sắp đặt bàn thờ (Thiên Bàn), các bài kinh cúng thời, v.v...

THỨ TƯ 27-01-1926 (14-12 Ất Sửu):

Khai đàn thượng tượng tại nhà tiền khai Cao Quỳnh Cư (số 134 đường Bourdais, Sài Gòn, nay là Calmette, quận 1), Đức Thất Nương giáng đàn. Tiền khai Lê Văn Trung hỏi:

“Có duyên luyện đạo cùng chăng? Xin em mách giùm.”

Thất Nương trả lời:

“Đã gặp đạo tức có duyên phần. Ráng tu luyện. Siêng thì thành, biếng thì đọa. Liệu lấy mà răn mình. Phải sớm tính. Một ngày qua, một ngày chết, đừng dụt dụt.”

Trong đàn hôm đó, Đức Lý Thái Bạch dạy tiền khai Lê Văn Trung:

*Có công phải biết gắng nên công
Tu tánh đã xong tới luyện lòng
Kinh sách đầy đầu chưa thoát tục
Đơn tâm khó định lấy chi mong.*

⁽²⁸⁾ Theo luật đạo Cao Đài, đứng đầu Cửu Trùng Đài là *Giáo Tông*, cũng gọi là *Anh Cả*.

THỨ NĂM 28-01-1926 (15-12 Ất Sửu):

Tại nhà riêng ở Quai Testard, Chợ Lớn (nay là đường Châu Văn Liêm, quận 5), tiền khai Lê Văn Trung làm tiệc họp mặt đãi mười hai môn đệ đầu tiên của Đức Cao Đài: Ngô Văn Chiêu, Vương Quan Kỳ, Đoàn Văn Bản, Lê Văn Giảng, Nguyễn Văn Hoài, Lý Trọng Quý (tức Hồ Vinh Quý), Võ Văn Sang, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, Nguyễn Trung Hậu, và Trương Hữu Đức. Sau khi mãn tiệc, các vị lập đàn và được Đức Cao Đài dạy:

*Một ngày thỏn mỗn một ngày qua
Tiên Phật nơi mình chẳng ở xa
Luyện đặng tinh thông muôn tuổi thọ
Cửa thiên xuất nhập cũng như nhà.*

*Cương tỏa đương thời đã giải vây
Đừng mơ oan nghiệt một đời này
Hữu duyên độ thấu nguồn chơn đạo
Tu niệm khuyên bền chí chớ lay.*

THỨ SÁU 29-01-1926 (16-12 Ất Sửu):

Đức Cao Đài dạy:

“Thầy vui vì các con thuận hòa cùng nhau. Thầy muốn cho các con như vậy hoài. Ấy là một lễ hiến cho Thầy rất trân trọng. [Lê Văn] Trung, Thầy khen con đó.”

Đức Cao Đài lại dạy:

“[Cao Quỳnh] Cư, [Cao Hoài] Sang, [Phạm Công] Tắc

muốn theo anh con [Lê Văn Trung] vào xem Hội Minh Lý.⁽²⁹⁾

[Vương Quan] Kỳ, có con Thầy mới cho ba đưa nó đi. Con chỉ những sự bái quy của Thầy buộc thế nào và cắt nghĩa cho [chúng] nó hiểu.”

Vào thời điểm này, các vị tiền khai Cao Đài chưa được lệnh dạy thỉnh một số bài kinh của Minh Lý Đạo. Phải qua đầu tháng 8-1926 mới có lệnh dạy.

CHỦ NHẬT 31-01-1926 (18-12 Ất Sửu):

Nhân buổi khai đàn thượng tượng tại nhà tiền khai Lê

⁽²⁹⁾ Minh Lý ban sơ là một Hội (*association*). Đơn xin thành lập Hội ngày 18-9-1926 có tên sáu vị: *Minh Chánh* Âu Kiệt Lâm (1896-1941, Chánh Hội Trưởng); *Minh Thiện* Nguyễn Văn Miết (1897-1972, Phó Hội Trưởng); *Minh Trục* Võ Văn Thạnh (1895-1976, Chánh Từ Hàn); *Minh Đàm* Nguyễn Hữu Hay (1899-1961, Phó Từ Hàn); *Minh Giáo* Nguyễn Văn Xung (1891-1957, Chánh Thủ Bồn); *Minh Truyền* Lê Văn Ngọc (1887-1965, Phó Thủ Bồn). Điều lệ của Hội được Thống Đốc Nam Kỳ Blanchard de la Brosse chuẩn y ngày 08-02-1927.

Trước đó (giữa năm 1925), nhờ quen biết sư Thiện Chiếu (thê danh Nguyễn Văn Giảng hay Nguyễn Văn Tài, 1898-1974) và ông Trần Nguyên Chân là hội trưởng chùa Linh Sơn (149 Douamont, quận 1, Sài Gòn, nay là đường Cô Giang), các tiền khai Minh Lý được mượn chùa này để cúng hàng tháng cho đến khi về chùa riêng (Tam Tông Miếu) vào đầu năm 1927. Tam Tông Miếu cất trên sở đất ở đường Chasseloup Laubat (nay là 82 Cao Thắng, quận 3) do ông Trần Kim Ký hiến tặng năm 1925.

Văn Trung ở Quai Testard, Chợ Lớn (nay là đường Châu Văn Liêm, quận 5), Đức Cao Đài giảng lâm dạy:

“Trung, con thờ Thầy trên hết là phải. Con đem tượng Quan Trường qua bên tay trái Thầy, còn Quan Âm bên mặt. Con thờ Lý Thái Bạch dưới Thầy.”

Đức Cao Đài còn ban cho tiền khai Lê Văn Trung bài thất ngôn tứ tuyệt:

*Một trời, một đất, một nhà riêng
Dạy dỗ nhơn sanh dựng dạ hiền
Cầm mối Thiên thơ lo cứu chúng
Đạo người vẹn vẻ mới thành Tiên.⁽³⁰⁾*

THỨ HAI 01-02-1926 (19-12 Ất Sửu):

Các tiền khai Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc xin Đức Cao Đài đi Cần Giuộc độ tiền khai Nguyễn Ngọc Tương (1881-1951) lúc ấy đang làm chủ quận Cần Giuộc (tỉnh Chợ Lớn).

THỨ SÁU 12-02-1926 (30-12 Ất Sửu):

Tại Sài Gòn buổi chiều, các tiền khai họp lại, cùng nhau đi một vòng ghé nhà từng bạn đạo. Tại mỗi nhà, tiền khai Ngô Văn Chiêu và cặp đồng tử Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư lập đàn cơ. Mỗi vị chủ nhà đều được Đức Cao Đài Tiên Ông ban cho một bài thất ngôn tứ tuyệt.

Tại quận 1, đoàn bắt đầu từ nhà tiền bối *Võ Văn Sang*

⁽³⁰⁾ [Hương Hiếu I: 46].

(Cầu Muối), rồi lần lượt ghé các vị: *Cao Quỳnh Cư* (134 Bourdais, nay là đường Calmette), *Vương Quan Kỳ* (80 Lagrandière, nay là đường Lý Tự Trọng), *Lê Văn Giảng* (85 Lagrandière), *Nguyễn Trung Hậu* (Đa Kao), *Nguyễn Văn Hoài* (địa chỉ?), *Phạm Công Tắc* (đường D'Arras, nay là đường Công Quỳnh), *Đoàn Văn Bản* (42 Général Leman, nay là đường Cao Bá Nhạ).

Rời quận 1, đoàn ghé nhà tiền bối *Nguyễn Hữu Đắc* (100 Lục Tỉnh, Chợ Lớn, nay là đường Hùng Vương, quận 6) rồi tới nhà tiền khai *Lê Văn Trung* (Quai Testard, nay là đường Châu Văn Liêm, quận 5).

Tại nhà tiền khai Lê Văn Trung, Đức Cao Đài ban cho bài thất ngôn tứ tuyệt như sau:

*Đã thấy ven mây lối mặt dương
Cùng nhau xúm xít dẫn lên đường
Đạo cao phó có tay cao độ
Gần gũi sau ra vạn dặm trường.*

Rời nhà tiền khai Lê Văn Trung, đoàn ghé nhà tiền bối *Lý Trọng Quý* (cũng gọi Hồ Vinh Quý). Cuối cùng, từ nhà tiền bối Lý Trọng Quý tất cả quay trở lại nhà tiền khai Lê Văn Trung vừa kịp đón giao thừa, và lại lập đàn thỉnh Đức Cao Đài giảng cơ dạy đạo.

THỨ SÁU 12 rạng THỨ BẢY 13-02-1926

(30-12 Ất Sửu rạng 01-01 Bính Dần):

Các vị tiền khai lập đàn cơ đêm giao thừa đón năm mới

Bính Dần. Tiên khai Ngô Văn Chiêu làm pháp đàn, hai vị Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc phò loan, tiên khai Nguyễn Trung Hậu làm độc giả, và tiên bói Tuyết Tân Thành làm điển ký.

Đức Cao Đài dạy chung ba vị Lê Văn Trung, Vương Quan Kỳ và Nguyễn Văn Hoài:

“Trung, Kỳ, Hoài, ba con phải lo thay mặt Chiêu mà đi độ người. Nghe và tuân theo!”

Thầy dạy tiên bói Nguyễn Hữu Đắc:

“Đắc, con phải hiệp một vào đây đặng giúp đỡ [Lê Văn] Trung. Nghe và tuân theo!”

THỨ BẢY 20 rạng CHỦ NHẬT 21-02-1926

(08 rạng 09-01 Bính Dần):

Các tiên khai thiết lễ vía Trời lần đầu tiên tại nhà tiên khai Vương Quan Kỳ (80 Lagrandière, nay là đường Lý Tự Trọng, quận 1). Đức Cao Đài dạy:

*Bữu tòa thơ thời trở thêm hoa
Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà
Chung hiệp ráng vun nền đạo đức
Bền lòng son sắt đến cùng Ta.*

Tiên khai Ngô Văn Chiêu bạch với Đức Cao Đài, xin một bài thơ điểm danh tất cả những người đang có mặt. Đức Cao Đài ban ơn như sau:

Chiêu, Kỳ, Trung, độ dân Hoài sanh



**Long Thành, Tây Ninh 1930:
Đồng nhi cúng thời trong thánh thất tạm**

Các đồng nhi chấp tay phù hợp lời Đức Cao Đài dạy tiên khai Lê Văn Trung trong đàn cơ Thứ Năm 25-02-1926 (13-01 Bính Dần) tại nhà tiên khai Cao Quỳnh Cư (134 Bourdais, quận 1, Sài Gòn):

“Khi bái lễ, hai tay con chấp lại, song phải để tay trái ấn Tý, tay mặt ngửa ra, nằm dưới.”

Ảnh: Walter Bosshard (1892-1975, nhà báo Thụy Sĩ)

*Bản, đạo khai Sang, Quý, Giảng thành
Hậu, Đức, Tắc, Cư thiên địa cảnh
Huòn, Minh, Mân đảo thủ đài danh.*

Tiền khai Ngô Văn **Chiêu** là Anh Cả được điểm danh trước tiên. Kế tiếp là Vương Quan **Kỳ**; Lê Văn **Trung**; Nguyễn Văn **Hoài**; Đoàn Văn **Bản**; **Sang** có thể là Cao Hoài Sang, trùng tên với Võ Văn Sang; Lý Trọng **Quý**; Lê Văn **Giảng**; Nguyễn Trung **Hậu**; Trương Hữu **Đức**; Phạm Công **Tắc**; Cao Quỳnh **Cư**. (*Huòn, Minh, Mân* là ba người khách của tiền **khai** Vương Quan Kỳ.)

THỨ NĂM 25-02-1926 (13-01 Bính Dần):

Trong đàn cơ tại nhà tiền khai Cao Quỳnh Cư (134 Bourdais, quận 1, Sài Gòn, nay là đường Calmette), hai vị Phạm Công Tắc và Cao Quỳnh Cư phò loan, Đức Cao Đài dạy tiền khai Lê Văn Trung cách lạy:

“Trung, vô giữa bái lễ lạy Thầy coi! Con làm lễ trúng, song mỗi gập con nhớ niệm câu chú của Thầy: Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

(...) Khi bái lễ, hai tay con chấp lại, song phải để tay trái ấn Tý, tay mặt giữa ra, nằm dưới.”

Về đại phục, Thầy dạy tiền khai Lê Văn Trung:

“Từ đây con phải may riêng bộ áo lễ tay rộng, cổ trịch như áo đạo, nhưng dài gài chín mối, màu xanh da trời. (...) Con mang giày gai hầu Thầy.”

Thầy dặn dò tiền khai Lê Văn Trung:

“Đồ sắc phục, con dụng để làm lễ cho Thầy mà thôi. Nếu con bận nó đến nơi nào, chớ Thần Thánh Tiên Phật đều phải tránh hết.”

Sau khi bộ đại phục may xong (chưa rõ ngày), Thầy dạy tiền khai Lê Văn Trung:

“Trung, con mặc thử đồ đại phục mới may rồi cho Thầy xem. Trung, con coi đẹp quá há!”⁽³¹⁾

THỨ BA 16-3-1926 (03-02 Bính Dần):

Đức Cao Đài dạy ba vị Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc về Vĩnh Nguyên Tự (nguyên là chùa của chi Minh Đường) để tiền khai Lê Văn Lịch (1890-1947) hướng dẫn về tu tịnh:

“Trung, Cư, Tắc! Thầy dặn ba con nội hạ tuần tháng Hai phải xin nghỉ một tuần lễ, xuống ở tại chùa Minh Đường của Lịch mà học đạo thêm (...). Ba đưa nó ở chùa mà thôi. Lịch dạy chúng nó nghe. Cười... Thầy hằng có bên chúng nó. Có bợ nợ cầu Thầy.”

Tháng 4-1926:

Đức Cao Đài dạy ba vị Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc đến gặp tiền khai Ngô Văn Chiêu để truyền lệnh may thiên phục Giáo Tông (áo trắng, có thêu tám quẻ Càn, Đoài, Ly, Chấn, Tốn, Khảm, Cấn, Khôn).

⁽³¹⁾ [Hương Hiếu I: 105].

Tiền khai Nguyễn Thị Hương (tức Hiếu) được lệnh đem lại bàn cơ chén nước lạnh để Đức Cao Đài vẽ kiêu thiên phục. Khi nào may xong áo, sẽ lập đàn cơ để Đức Cao Đài chỉ rõ vị trí đặt tám quẻ trên áo.

THỨ NĂM 01-4-1926 (19-01 Bính Dần):

Tiền khai Lê Văn Trung hầu đàn cơ không mặc đại phục, Thầy hỏi:

“Trung, bộ đồ đại phục của con đâu? Sao không mặc đựng hầu Thầy?”⁽³²⁾

THỨ BẢY 10-4-1926 (28-02 Bính Dần):

Tiền khai Lê Văn Trung tuân lệnh Đức Cao Đài đến làm lễ khai đàn thượng tượng cho tiền khai Lê Văn Lịch tại Vĩnh Nguyên Tự (chùa của chi Minh Đường), do Thái Lão Sư Lê Đạo Long (1843-1913) là thân phụ tiền khai Lịch sáng lập, tại làng Long An, quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn. Kể từ đây Vĩnh Nguyên Tự trở thành thánh sở Cao Đài, hành đạo độc lập (không thuộc Hội Thánh nào).

THỨ NĂM 22 rạng THỨ SÁU 23-4-1926

(11 rạng 12-3 Bính Dần):

Lập đàn tại nhà tiền khai Cao Quỳnh Cư (số 134 đường Bourdais, Sài Gòn, nay là đường Calmette, quận 1), hai vị Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc phò loan. Đức Chí Tôn lâm đàn dạy tiền khai Lê Văn Trung chuẩn bị nghi thức cho

⁽³²⁾ [Huệ Nhẫn 2005: 193].

lễ Thiên phong chức sắc sẽ diễn ra ở nhà tiền khai Trung (Quai Testard, Chợ Lớn, nay là đường Châu Văn Liêm, quận 5):

“Trung nghe! Con dời bài vị của Lý Bạch để dưới tượng Thầy. Con dọn dẹp trong hết, để một cái ghế kê một bên tran thờ, rồi để lên một cái ghế lớn dựng làm ngai Giáo Tông. Ba cái nữa để sắp hàng theo ở dưới dựng làm ngai cho ba vị Đầu Sư. Con phải bao bốn cái ghế ấy cho tinh khiết.

Còn bao nhiêu môn đệ phân làm ba ban. Ngày ấy có [Lê Văn] Lịch sắp đặt.

Con đem thiên phục Giáo Tông để nơi ghế ở trên, còn bộ của con [Thượng Đầu Sư] để giữa, bộ của Lịch [Ngọc Đầu Sư] bên hữu, còn ghế tả, con phải viết một miếng giấy đề chữ THÁI cho thiệt lớn mà dán lên chỗ dựa.”⁽³³⁾

Đàn tái cầu cùng ngày, Đức Chí Tôn dạy tiếp:

“Chỗ bàn ngự của Thầy phải để một cái ghế trước ngai ba vị Đầu Sư, vọng một bài vị. Biểu Lịch viết như vậy: CỬU THIÊN CẢM ỨNG LÔI THINH PHỔ HÓA THIÊN TÔN 九天感應雷聲普化天尊.

Lại vẽ thêm một lá bùa KIM QUANG TIÊN để thòng ngay chính giữa, ai ngó vào cũng đều thấy dựng.”⁽³⁴⁾

⁽³³⁾ [Hương Hiếu I: 108].

⁽³⁴⁾ [Hương Hiếu I: 109-110].

THỨ BẢY 24-4-1926 (13-3 Bính Dần):

Tiền khai Ngô Văn Chiêu từ tạ ngôi vị Giáo Tông để chuyên nhứt tu thiên cho đắc đạo tại thế. Ngô tiền khai hoàn lại tiền khai Nguyễn Thị Hương (tức Hiếu) số tiền bà đã mua vải để may bộ thiên phục và mũ Giáo Tông.

CHỦ NHẬT 25-4-1926 (14-3 Bính Dần):

Đàn cơ lập trên lầu nhà tiền khai Lê Văn Trung (một trệt, một lầu, ở Quai Testard, Chợ Lớn, nay là đường Châu Văn Liêm, quận 5); hai vị Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc phò loan. Đức Chí Tôn giáng lâm hướng dẫn nghi thức Thiên phong chức sắc sẽ diễn ra tại đây vào giờ Tý (23:30) ngày 25 rạng 26-4-1926.

Về nghi thức, Đức Chí Tôn dạy Đầu Sư Thượng Trung Nhựt (Lê Văn Trung) và Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt (Lê Văn Lịch) quỳ trước bàn thờ Ngũ Lô, hai tay chấp trên đầu, quỳ ngay trước lá bùa Kim Quang Tiên và thẻ:

“Tôi là Lê Văn Trung tự Thiên ân là Thượng Trung Nhựt, và Lê Văn Lịch tự Thiên ân là Ngọc Lịch Nguyệt, thẻ Hoàng Thiên Hậu Thổ trước bửu pháp Ngũ Lô rằng làm trọn Thiên Đạo và diu dắt mấy em chúng tôi đều là môn đệ của Cao Đài Ngọc Đế, nhứt nhứt do lệnh Thầy phân định, chẳng dám chuyên quyền mà lập thành tả đạo, như ngày sau hữu tội thì thẻ có Ngũ Lô tru diệt.”

Khi đến bàn Vi Hộ Pháp, hai vị Đầu Sư cùng quỳ xuống, và lời thẻ cũng y vậy, nhưng đổi mấy chữ chót như sau:

“... như ngày sau phạm Thiên điều, thẻ có Hộ Pháp hành pháp đọa tam đồ bất năng thoát tục.”⁽³⁵⁾

CHỦ NHẬT 25 rạng THỨ HAI 26-4-1926

(14 rạng 15-3 Bính Dần):

Vào giờ Tý (23:30), lễ Thiên phong chức sắc diễn ra trên lầu nhà tiền khai Lê Văn Trung (một trệt, một lầu, ở Quai Testard, Chợ Lớn, nay là đường Châu Văn Liêm, quận 5). Đức Cao Đài giáng lâm, phong chức sắc cho các môn đệ. Về phần hai vị Thượng và Ngọc Đầu Sư, Thầy dạy:

“[Lê Văn] Trung, [Lê Văn] Lịch đã thọ sắc, cứ tước vị mà theo lệnh sắc mạng Ta.”⁽³⁶⁾

THÁNG 7-1926:

Đức Cao Đài dạy tiền khai Phạm Tấn Đãi (1901-1976)⁽³⁷⁾ lên Sài Gòn gặp tiền khai Lê Văn Trung để cùng tới Tân Định (quận 1) gặp tiền khai Nguyễn Ngọc Thơ (1873-1950). Hai vị Lê Văn Trung và Phạm Tấn Đãi giải thích lý do cuộc sơ ngộ là vì tuân theo lệnh dạy của Đức Cao Đài. Tiền khai Nguyễn Ngọc Thơ ra điều kiện phải để chính tiền khai trực tiếp thông công thì mới tin. Lúc này bà Thơ (là tiền khai Lâm Ngọc Thanh, 1874-1937) đang ở quận Vũng Liêm (tỉnh Vĩnh Long).

⁽³⁵⁾ [Hương Hiếu I: 113].

⁽³⁶⁾ [Hương Hiếu I: 114].

⁽³⁷⁾ Thứ Bảy 27-02-1926 (15-01 Bính Dần), Đức Cao Đài hóa độ tiền khai Phạm Tấn Đãi tại quận Cần Giuộc (tỉnh Chợ Lớn).

Sau ba ngày ăn chay và cầu nguyện, tiền khai Nguyễn Ngọc Thơ chấp bút tại nhà riêng, đặt nhiều câu hỏi về việc riêng tư đều được Đức Cao Đài trả lời chính xác. Hoàn toàn tin tưởng, sau đó hai vị Thơ và Thanh nhập môn Cao Đài vào Thứ Năm 15-7-1926 (06-6 Bính Dần).

THỨ SÁU 06-8-1926 (28-6 Bính Dần):

Thần Lục Đình giáng đàn, chuyển lệnh Đức Thái Thượng Đạo Tổ dạy các tiền khai Minh Lý Đạo truyền trao kinh cho các tiền khai Cao Đài:

“Ngã Lục Đình Thần giáng đàn. Hỷ chư nhu.

Ta vâng lệnh Đạo Tổ giáng xuống truyền cho chư nhu rõ: Chư nhu phải sắm mười hai cuốn Kinh Sám Hối cho thiệt tốt, sạch, chẳng có chút bợn nhơ gì hết. Sắm rồi thì phải cho đi mời [Lê Văn] Trung, [Lê Văn] Lịch, [Vương Quan] Kỳ lại nhà chư nhu,⁽³⁸⁾ biểu chúng nó làm lễ mà thỉnh kinh ấy. Nơi bìa kinh phải đề hiệu Tam Tông Miếu.”

Cuốn Kinh Sám Hối do Tam Tông Miếu ấn tống, ngoài bài *Kinh Sám Hối* (câu mở đầu: *Cuộc danh lợi là phần thưởng quý...*) còn có nhiều kinh khác, đặc biệt là bài *Niệm Hương* (câu mở đầu: *Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp...*) và bài *Khai Kinh* (câu mở đầu: *Biển trần khổ vơi vơi trời*

⁽³⁸⁾ Mãi đến đầu năm 1927 môn sinh Minh Lý mới có chùa riêng (Tam Tông Miếu, đường Chasseloup Laubat, nay là 82 Cao Thắng, quận 3), hàng tháng không còn mượn chùa Linh Sơn (149 Douamont, quận 1, nay là đường Cô Giang) để cúng.

nước...) vẫn đang dùng trong nghi thức cúng tứ thời của đạo Cao Đài.

THỨ HAI 23-8-1926 (16-7 Bính Dần):

Trong một đàn cơ có lễ lập tại Thiên Lâm Tự 禪林寺 ở Gò Kén (nay ở số 5/11, ấp Long Trung, xã Long Thành Trung, quận Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh), Đức Thích Ca Mâu Ni Phật tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát dạy Hòa Thượng Như Nhân, tức Thích Từ Phong, thế danh Nguyễn Văn Tường (1874-1938):

“Nơi đây là thánh địa, Ta lập thánh thất. Hiền đồ có lòng giúp Ta chăng?”⁽³⁹⁾

Sau đó, vào cuối tháng 8-1926, Hòa Thượng Như Nhân bằng lòng cho các tiền khai mượn chùa Thiên Lâm để làm thánh thất Thiên Lâm, cũng gọi thánh thất Gò Kén.

THỨ BẢY 28-8-1926 (21-7 Bính Dần):

Thân mẫu tiền khai Nguyễn Trung Hậu tạ thế. Các vị tiền khai lập đàn cầu Đức Cao Đài hỏi về cách cử hành lễ tang. Đức Cao Đài dạy:

“[Lê Văn] Trung, con tức cấp xuống Càn Giuộc biểu [Nguyễn Ngọc] Trương về, và cả chư môn đệ Thầy hội lại cho đủ mặt. Phải nhớ biểu [Lê Văn] Lịch lên, nói với nó Thầy cần dùng bốn vị chức sắc Minh Đường⁽⁴⁰⁾ cầu kinh

⁽³⁹⁾ [Nguyễn Văn Hồng 1: 171].

⁽⁴⁰⁾ Trước khi quy hiệp Cao Đài, Vĩnh Nguyên Tự ở làng Long

cho mẹ Hậu. Phải đủ mặt Lễ Sanh mà làm đại lễ cho mẹ nó.
Con Trung, con viết một lá sớ như vậy:

*‘Lịnh Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Tiên Ông
Đại Bồ Tát Ma Ha Tát hứa dữ Địa Tạng Vương Bồ Tát khả
thâu chơn hồn thị... tử... nhứt... ngoạt... niên, giam tại Vọng
Thiên Cung. Chờ công quả Hậu mà thăng lần lên.’*

*Đưa cho [Phạm Công] Tác câu chú nó đọc mà đốt sớ.
Bốn thầy Minh Đường cứ tụng kinh cầu khẩn.”*

THỨ BA 21-9-1926 (15-8 Bính Dần):

Đàn cơ tại chùa Giác Hải, Sài Gòn,⁽⁴¹⁾ trụ trì là Hòa
Thượng Như Nhân, khi tiên khai Lê Văn Trung bạch về
việc Khai Tịch Đạo, Đức Cao Đài dạy:

*“Trung, con phải tái cầu đặng Thầy dạy cử chỉ các con
đối cùng chánh phủ. Thầy chẳng muốn các con hạ mình...”*

Đàn tái cầu cùng ngày, Đức Cao Đài dạy:

*“Trung, [Lê Văn] Lịch hai con phải hội chư Thánh⁽⁴²⁾
mà xin khai Đạo. Phải làm đơn mà dâng cho Thầy xem xét
sửa trước nghe!”⁽⁴³⁾*

An, quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn nguyên là chùa của chi
Minh Đường.

⁽⁴¹⁾ Chùa Giác Hải cất năm 1887, nay ở số 1017/3 Hồng Bàng,
phường 12, quận 6.

⁽⁴²⁾ *Chư Thánh*: Các vị tiên khai.

⁽⁴³⁾ [Huệ Nhẫn 2005: 273].

THỨ TƯ 29-9-1926 (23-8 Bính Dần):

Lúc 8 giờ tối, tại nhà tiên khai Nguyễn Văn Tường
(1887-1939), cũng gọi Võ Văn Tường,⁽⁴⁴⁾ ở số 237 bis,
trong một hẻm trên đường Gallieni, Sài Gòn (nay là số 208
đường Cô Bắc, quận 1), có cuộc họp đông đảo để chuẩn bị
đăng ký tư cách pháp nhân của đạo Cao Đài.

Dưới sự đồng chủ trì của ba vị Đầu Sư Thượng Trung
Nhứt (Lê Văn Trung), Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt (Lê Văn
Lịch) và Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư, cuộc họp quy tụ
hàng trăm chức sắc và tín đồ đầu tiên của đạo Cao Đài. Kết
quả có hai trăm bốn mươi lăm vị ký tên vào danh sách đính
kèm theo hồ sơ. Còn văn bản tiếng Pháp ghi ngày 07-10-
1926 có hai mươi tám môn đệ đứng tên,⁽⁴⁵⁾ được Đầu Sư

⁽⁴⁴⁾ Tiên khai Nguyễn Văn Tường làm thông ngôn (*interprète*) tại
Sở Tuần Cảnh Sài Gòn.

⁽⁴⁵⁾ Đức Cao Đài giáng cơ tại nhà tiên khai Nguyễn Văn Tường
ngay sau buổi họp, và ban ơn chọn hai mươi tám vị (tuyển
trong danh sách hai trăm bốn mươi lăm vị) được đồng đứng
tên dưới Tờ Khai Đạo. Hai mươi tám vị này gồm có:

1. Bà Lâm Ngọc Thanh, nghiệp chủ, Vũng Liêm. / 2. Ông **Lê Văn Trung**, cựu Thượng Nghị Viện, ngũ đẳng bửu tinh, Chợ Lớn. / 3. Ông Lê Văn Lịch, thầy tu, làng Long An, Chợ Lớn. / 4. Ông Trần Đạo Quang, thầy tu, làng Hanh Thông Tây, Gia Định [vắng mặt vì đạo sự, nhưng tiên khai Thượng Trung Nhứt xin Thầy cho ghi tên]. / 5. Ông Nguyễn Ngọc Tương, tri phủ, chủ quận Cần Giuộc. / 6. Ông Nguyễn Ngọc Thơ, nghiệp chủ, Sài Gòn. / 7. Ông Lê Bá Trang, đốc phủ sứ, Chợ Lớn. / 8. Ông Vương Quan Kỳ, tri phủ, Sở Thuế Thân, Sài Gòn. / 9.

Thượng Trung Nhựt đích thân mang đến Phủ Thống Đốc Nam Kỳ (nay là Bảo tàng TpHCM, số 65 Lý Tự Trọng, quận 1) gởi cho Quyền Thống Đốc Nam Kỳ Le Fol vào Thứ Năm tuần sau, đúng theo lời Đức Cao Đài dạy:

“Thầy dặn con, Trung! Nội Thứ Năm tuần tới phải đến Le Fol mà khai cho kịp nghe!”

THỨ NĂM 07-10-1926 (01-9 Bính Dần):

Tiền khai Lê Văn Trung mang Tờ Khai Đạo ghi ngày 07-10-1926 đến Quyền Thống Đốc Nam Kỳ Le Fol. Trong Tờ

Ông Nguyễn Văn Kinh, thầy tu, Bình Lý Thôn, Gia Định. / 10. Ông Ngô Tường Vân, thông phán Sở Tạo Tác, Sài Gòn. / 11. Ông Nguyễn Phát Đạt, nghiệp chủ, Sài Gòn. / 12. Ông Ngô Văn Kim, điền chủ, đại hương cả, Cần Giuộc. / 13. Ông Đoàn Văn Bản, đốc học trường Cầu Kho, Sài Gòn. / 14. Ông Lê Văn Giảng, thơ ký kế toán hãng Hippolito, Sài Gòn. / 15. Ông Huỳnh Văn Giới, thông phán Sở Tân Đáo, Sài Gòn. / 16. Ông Nguyễn Văn Tường, thông ngôn Sở Tuần Cảnh, Sài Gòn. / 17. Ông Cao Quỳnh Cư, thơ ký Sở Thương Chánh, Sài Gòn. / 18. Ông Phạm Công Tắc, thơ ký Sở Thương Chánh, Sài Gòn. / 19. Ông Cao Hoài Sang, thơ ký Sở Thương Chánh, Sài Gòn. / 20. Ông Nguyễn Trung Hậu, đốc học trường tư thực Đa Kao, Sài Gòn. / 21. Ông Trương Hữu Đức, thơ ký Sở Hòa Xa, Sài Gòn. / 22. Ông Huỳnh Trung Tuất, nghiệp chủ, Chợ Đũi, Sài Gòn. / 23. Ông Nguyễn Văn Chúc, cai tổng, Chợ Lớn. / 24. Ông Lại Văn Hành, hương cả, Chợ Lớn. / 25. Ông Nguyễn Văn Trò, giáo viên, Sài Gòn. / 26. Ông Nguyễn Văn Hương, giáo viên, Đa Kao. / 27. Ông Võ Văn Kinh, giáo tập, Cần Giuộc. / 28. Ông Phạm Văn Ti, giáo tập, Cần Giuộc.

Khai Đạo này, các tiền khai viết:

“Au nom de très nombreux Annamites qui ont entièrement approuvé ces études et dont la liste est ci-jointe, les soussignés ont l'honneur de venir respectueusement vous déclarer qu'ils vont propager à l'humanité entière cette Sainte Doctrine.”

Dịch: *“Nhân danh đông đảo những người Việt Nam đã hoàn toàn tán thành những điều nghiên cứu này và có danh sách kèm theo, những người ký tên dưới đây hân hạnh tuyên bố cho ông biết là chúng tôi sẽ truyền bá cho toàn thể nhân loại giáo lý thiêng liêng này.”*⁽⁴⁶⁾

Những ngày kế tiếp, các tiền khai ráo riết chuẩn bị phổ độ Lục Tỉnh, trong đó có việc biên soạn tập sách nhỏ nhan đề *Phổ Cáo Chúng Sanh*.

THỨ TƯ 13-10-1926 (07-9 Bính Dần):

Các tiền khai lập đàn cơ trình dâng bản thảo *Phổ Cáo Chúng Sanh* để xin Đức Cao Đài chính sửa trước khi đưa in. Trong đàn cơ duyệt bản thảo *Phổ Cáo Chúng Sanh*, Đức Cao Đài dạy:

“Các con tức cấp lo phổ độ. Kể từ mồng 10 tháng này mấy đũa phò loan phải xin phép nghỉ hai mươi chín ngày hết nghe. Thầy dặn các con phải phân nhau mà đi cho khắp.”

⁽⁴⁶⁾ [Huệ Khải 2010: 36, 69].

Con, [Lê Văn] Trung! Con phải nói với Le Fol cho con giấy chứng khai Đạo.⁽⁴⁷⁾ *Mai con lên nó, có Thầy.*⁽⁴⁸⁾

Tuân hành thánh lệnh, các tiên khai chia làm ba nhóm. Riêng nhóm Một phổ độ chín tỉnh (Bạc Liêu, Cần Thơ, Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Rạch Giá, Sóc Trăng, Trà Vinh, Vĩnh Long), gồm các tiên khai: Lê Văn Trung (Thượng Trung Nhựt), Nguyễn Ngọc Thơ (Thái Thơ Thanh), và Trần Đạo Quang, v.v... Đồng tử phò loan: Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc.

THỨ SÁU 15-10-1926 (09-9 Bính Dần):

Phổ Cáo Chúng Sanh (14 trang, 15x24cm) được in tại l'Imprimerie de l'Union (Sài Gòn). Bìa in trên giấy màu đỏ, mỏng, loại giấy dùng làm bìa hồ sơ. Trên bìa một có in ngày 15 tháng 10 năm 1926. Trang cuối *Phổ Cáo Chúng Sanh* cho biết ngày 07-10-1926 “*cựu Hội Đồng Thượng Nghị Viện Lê Văn Trung*” đã đến “*khai Đạo nơi Chánh Phủ*”, được nhà cầm quyền “*hoan nghinh và khen...*”⁽⁴⁹⁾

⁽⁴⁷⁾ Ngày 07-10-1926 tiên khai Lê Văn Trung mang Tờ Khai Đạo đến Phủ Thống Đốc Nam Kỳ thì ông Le Fol tiếp nhận, nhưng không cấp một giấy nào chứng nhận việc khai Đạo.

⁽⁴⁸⁾ [Nguyễn Văn Hồng 1: 207].

⁽⁴⁹⁾ Dưới ách thực dân Pháp, người dân Việt luôn luôn bị nhà cầm quyền đàn áp nếu tụ tập đông người, hoặc đi theo “hội kín”... Do đó, trước khi kết thúc, *Phổ Cáo Chúng Sanh* chủ ý nhắc tới “*cựu Hội Đồng Thượng Nghị Viện Lê Văn Trung*” quả là khéo léo về tâm lý, vì những lời lẽ đó hàm ngụ rằng đạo

THỨ SÁU 29-10-1926 (23-9 Bính Dần):

Đức Cao Đài ban cho Đức Lý Thái Bạch phẩm Giáo Tông Vô Vi.⁽⁵⁰⁾

CHỦ NHẬT 07-11-1926 (03-10 Bính Dần):

Chánh quyền thuộc địa cấp phép theo đơn tiên khai Lê Văn Trung (Đầu Sư Thượng Trung Nhựt) xin phép tổ chức đại lễ Khai Minh Đại Đạo tại Thiên Lâm Tự, tức chùa Gò Kén (làng Long Thành, tỉnh Tây Ninh), của Hòa Thượng Như Nhãn (Thích Từ Phong). Sau đó, thiệp mời do Đầu Sư Thượng Trung Nhựt và Hòa Thượng Như Nhãn đồng ký tên được gửi tới đông đảo giới chức chánh quyền, chức sắc

Cao Đài không phải là “hội kín”, đồng thời khẳng định việc phổ độ Lục Tỉnh là hợp pháp. Tại sao cần nhờ tới địa vị xã hội cao trọng của tiên khai Lê Văn Trung để gián tiếp trấn an dân chúng? Có thể giải thích như sau:

“... tuần báo *Lục Tỉnh Tân Văn* số 46, ngày 01-10-1908 viết: ‘*Tánh người An Nam mình hay sợ sệt lắm...*’ Do đó, khi chủ xưởng những công cuộc lớn lao, muốn vận động, thu hút quần chúng, trong thành phần nhân sự nông cốt bao giờ cũng cần có các công chức. Sơn Nam [1926-2008, một chuyên gia về văn hóa Nam Kỳ] nêu ra lý do là dân chúng ‘*tin rằng công chức luôn luôn đàng hoàng, không làm quốc sự.*’ Ngay cả trong chuyện kinh doanh, điều này vẫn đúng, cho nên số báo nói trên viết rằng trong thương mại ‘*hễ có các ông nha môn [công chức] ra làm đầu thì đầu đầu ai cũng xin vô hùn.*’”

[Huệ Khải 2010: 20].

⁽⁵⁰⁾ Thứ Bảy 24-4-1926 (13-3 Bính Dần) tiên khai Ngô Văn Chiêu từ tạ phẩm Giáo Tông, do đó phẩm này bị trống.

tôn giáo bạn, thân hào nhân sĩ, những người tai mắt, v.v...

THỨ NĂM 18 rạng THỨ SÁU 19-11-1926

(14 rạng 15-10 Bính Dần):

Lễ Lập Vị tại bữa tiệc thánh thất Thiên Lâm (chùa Gò Kén, Thiên Lâm Tự, làng Long Thành, tỉnh Tây Ninh). Các cấp chức sắc Thiên phong mặc thiên phục đứng theo trật tự phẩm vị trình diện trước Ông Trên và nhơn sanh.

Xong lễ Lập Vị, các tiền khai lập đàn cơ tái cấu theo lời dạy của Đức Cao Đài. Thầy phong chín môn đệ phẩm Giáo Sư phái Thượng.⁽⁵¹⁾

Thầy dạy tiền khai Lê Văn Trung:

“Thầy dạy các con nhớ ngày nay là ngày kỷ niệm. Trung, con phải lấy tên họ của các môn đệ có mặt tại đây ngày này mà giữ gìn để lưu lại cho hậu thế biết. Nghe à!”

THỨ SÁU 19-11-1926 (15-10 Bính Dần):

Khai Minh Đại Đạo tại thánh thất Thiên Lâm (chùa Gò Kén, làng Long Thành, tỉnh Tây Ninh).

THỨ BA 30-11-1926 (26-10 Bính Dần):

Chuẩn bị lập *Tân Luật* Cao Đài, Đức Cao Đài dạy:

“[Lê Văn] Trung, Thầy đã dặn từ nét về sự lập luật tại

⁽⁵¹⁾ Gồm có: Nguyễn Văn Hoài, Dương Văn Hoài, Nguyễn Tấn Hoài, Nguyễn Văn Lai, Hà Văn Bút, Lê Văn Sơn, Phạm Trí Viễn, Ngô Trung Tín, và Phan Văn Nhơn.

thánh thất, các con chẳng một đũa nhớ. Nếu Thầy để cho Thái Bạch giáng cơ thì các con đã bị quở... Thầy nói về sự lập luật, con có nhớ gì đâu.

Trung, ba vị Chưởng Pháp duy có Như Nhãn [Thái Chưởng Pháp] đã làm rồi, còn hai phái nữa thì chơi chơi nghỉ nghỉ. Vì sự biếng nhác của nó mà bị hành phải chết mà chớ. Chẳng một đũa biết lo.”⁽⁵²⁾

CHỦ NHẬT 05 rạng THỨ HAI 06-12-1926

(01 rạng 02-11 Bính Dần)

Tiền khai Lê Văn Trung bạch Đức Cao Đài:

“Con và Ngọc Đâu Sư [Lê Văn Lịch] đang hiệp với nhau lo lập luật. Con có mời chư Thiên phong, Thiên sắc từ Lễ Sanh sắp lên, Thứ Bảy tới đây phải tựu tại thánh thất đặng bái và nghe Tân Luật, đặng sửa cho hoàn toàn, sẽ dâng cho Thầy phê chuẩn.”

Đức Cao Đài dạy:

“Phải ở luôn luôn thánh thất đặng lập luật ấy nghe!”

Đức Cao Đài dạy tiếp:

“Khởi đầu phải lập luật tu gọi là Tịnh Thất Luật, kế nữa lập luật trị gọi là Đạo Pháp Luật, ba là lập luật đời gọi là Thế Luật. Các con hiểu à!”⁽⁵³⁾

⁽⁵²⁾ [Huệ Nhẫn 2008: 89-90].

⁽⁵³⁾ [Huệ Nhẫn 2008: 90-91].

THỨ BẢY 18-12-1926 (14-11 Bính Dần):

Đàn tại thánh thất Thiên Lâm (làng Long Thành, tỉnh Tây Ninh), Đức Lý Thái Bạch dạy Đầu Sư Thượng Trung Nhựt (Lê Văn Trung) báo tin các chức sắc tạm ngưng phổ độ để tập trung vào việc lập *Tân Luật*. Vào ngày lễ Giáng Sinh (Thứ Sáu 24-12-1926) các chức sắc phải có mặt đầy đủ tại thánh thất. Ba vị Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh (Nguyễn Ngọc Thơ), Thượng Tương Thanh (Nguyễn Ngọc Tương), và Ngọc Trang Thanh (Lê Bá Trang) cùng nộp dự thảo luật ngày ấy. Ngày hôm sau (Thứ Bảy 25-12-1926) tiến hành cãi luật, do hai vị Đầu Sư Thượng Trung Nhựt (chánh) và Ngọc Lịch Nguyệt (phó) đồng chủ tọa. Các chức sắc được quyền cãi luật và theo thứ tự: phái Thái trước tiên, kế tiếp phái Ngọc, phái Thượng sau cùng.⁽⁵⁴⁾

Sau đàn ấy, tiên khai Lê Văn Trung gửi thơ mời họp:

“Thánh thất Gò Kén, le 18 Décembre 1926

Kính tỏ cùng chư đạo hữu,

“Ngài Thái Bạch Kim Tinh giảng cơ dạy như vậy, xin chư đạo hữu ngưng đàn lại trong mấy ngày ấy, đặng hội tại thánh thất, trước làm lễ cúng Thầy, sau cãi Tân Luật.

Tôi bữa 24 Décembre này xin mời đạo hữu phải có mặt tại thánh thất Tây Ninh.

Kính mời.

⁽⁵⁴⁾ [Hương Hiếu II: 104].

Thượng Trung Nhựt”⁽⁵⁵⁾

THỨ NĂM 23-12-1926 (19-11 Bính Dần):

Đức Lý Thái Bạch dạy tiên khai Lê Văn Trung làm hàng rào bao quanh thánh thất Thiên Lâm:

“Thánh thất nhỏ há, hiền hữu Thượng Trung Nhựt. Đáng lẽ đại diện nổi vào trong mới phải. Hiền hữu sai kẻ làm song ly bao vòng, nói ra cho tới tượng Phật Tổ làm bái đình nghe. Cười.”

THỨ SÁU 24-12-1926 (20-11 Bính Dần):

Đức Lý Thái Bạch dạy Đầu Sư Thượng Trung Nhựt (Lê Văn Trung) tiến hành cãi luật trong ba phiên: sáng (6-11 giờ), chiều (14-18 giờ, và tối (20-23 giờ). Nếu chưa xong, ngày hôm sau tiếp tục làm việc cũng chia ba phiên như vậy.

THỨ BẢY 25-12-1926 (21-11 Bính Dần):

Đầu Sư Thượng Trung Nhựt (Lê Văn Trung) chủ tọa việc cãi luật trọn ngày 25-12-1926 chẳng có kết quả. Đức Lý Thái Bạch trách:

“Việc tán thành Tân Luật, nếu Thầy để cho Lão, nội trong hai giờ thì hoàn thành tất cả. Ngặt một điều là nếu Lão lập luật, chẳng một ai trong hàng đạo hữu hành đạo đặng!

Vì vậy Thầy giao trọn quyền cho chư đạo hữu lập thành

⁽⁵⁵⁾ [Huệ Nhẫn 2008: 93].

là chủ ý để phân nhơn lục vào đó chút ít, rồi lấy huyền diệu làm ra Thiên lục. Ấy là một hạnh công bình đó.

Vậy Lão giao ba bộ luật hiệp một cho Thái Thơ Thanh trước. Nội trong một tuần lễ, phải hiệp thế nào cho ba bộ ba phái chung vô làm một.⁽⁵⁶⁾ Qua tuần nữa tới Thượng Tương Thanh. Kế một tuần nữa tới Ngọc Trang Thanh.⁽⁵⁷⁾ Nghĩa là trong ba tuần nữa phải lập thế nào cho rồi luật lệ, đem về thánh thất đặng cài lại nữa.”

THỨ BA 04-01-1927 (01-12 Bính Dần):

Thượng Đầu Sư Lê Văn Trung bạch về việc Hòa Thượng Như Nhân đòi lại thánh thất Thiên Lâm, Đức Cao Đài dạy:

“Phần nhiều trong các con chẳng vừa lòng thánh thất, nguyện xin trả. Thầy sẽ dạy [Nguyễn Ngọc] Thơ.”

THỨ BẢY 08-01-1927 (05-12 Bính Dần):

Đức Lý Thái Bạch dạy tiên khai Lê Văn Trung:

“Thượng Trung Nhựt, hiền hữu khá nói cùng kẻ đến đây chẳng tâm đạo, chỉ đến cầu gia đạo và cầu thuốc, biết rằng đây vốn là đền thờ Ngọc Đế chớ chẳng phải nhà thương hay tiệm bói, nghe à!”⁽⁵⁸⁾

⁽⁵⁶⁾ Ba bộ dự thảo luật của ba phái Thái, Thượng, và Ngọc.

⁽⁵⁷⁾ Theo thứ tự, đó là ba vị Thái Chánh Phối Sư Nguyễn Ngọc Thơ, Thượng Chánh Phối Sư Nguyễn Ngọc Tương, và Ngọc Chánh Phối Sư Lê Bá Trang.

⁽⁵⁸⁾ [Hương Hiếu II: 149].

Hôm sau những người ấy lại đến nữa. Đức Lý Thái Bạch dạy tiên khai Lê Văn Trung:

“Thượng Trung Nhựt, hiền hữu khá nói lại với kẻ đến đây chẳng tâm đạo, chỉ quyết đến bói, ra khỏi đàn. Để Lão đuổi, bị nhục đừng trách. Nam nữ cũng vậy. Kẻ muốn xin, Lão chẳng cho; kẻ không xin, Lão cho. Ấy cũng là một phương pháp phạt răn những kẻ vô đạo thôi.”⁽⁵⁹⁾

THỨ BA 15-02-1927 (14-01 Đinh Mão):

Tại thánh thất Thiên Lâm, Đức Cao Đài phong phẩm Giáo Sư cho bà Đãi Thị Huệ (1874-1936), tức bà Lê Văn Trung.⁽⁶⁰⁾

THỨ TƯ 16-02-1927 (15-01 Đinh Mão):

Tại thánh thất Thiên Lâm, Đức Cao Đài giáng đàn, vời chủ chùa Phước Long là Yết Ma Trần Văn Giồng vào hầu, dạy rằng Ngài nhậm lời Giáo Tông Vô Vi Lý Thái Bạch, thân chùa Phước Long ở Chợ Đệm làm thánh thất Lộc Giang và phong chủ chùa làm Thái Giáo Hữu.

Đức Cao Đài truyền hai vị Thượng Đầu Sư Lê Văn

⁽⁵⁹⁾ [Hương Hiếu II: 151].

⁽⁶⁰⁾ Theo [Huệ Nhẫn 2005: 383], bà Huệ họ Đái, là con thứ của ông Đái Hồng Huon và bà Huỳnh Thị Đào. Tiên khai Lê Văn Trung tục huyền với bà, nhưng hai vị không có con. Trước đó, tiên khai Trung kết hôn với cô Trương Thị Hảo là con ông Trương Dần và bà Nguyễn Thị Thuận. Bà Hảo và hai con là Lê Thị Báu, Lê Văn Trục đều qua đời trong một trận dịch.

Trung và Hộ Pháp Phạm Công Tắc phái hai vị Khai Pháp Trần Duy Nghĩa và Tiếp Pháp Trương Văn Trảng làm cặp đồng tử phò loan tại thánh thất Lộc Giang để giúp Thái Giáo Hữu Trần Văn Giồng lập đàn phổ độ người dân địa phương.⁽⁶¹⁾

THỨ BẢY 19-02-1927 (18-01 Đinh Mão):

Tại thánh thất Thiên Lâm (làng Long Thành, tỉnh Tây Ninh), Đức Lý nhắc nhở Đầu Sư Thượng Trung Nhựt (Lê Văn Trung) làm cho xong sổ bộ của tín đồ, bổ nhiệm Ban Trị Sự và chức việc hương đạo. Mỗi nơi xa thánh thất thì lập thêm tiểu thánh thất để tín đồ tiện đến tu học. Trong vài tháng nữa, tín đồ càng tăng thêm, Đức Lý sẽ phong thêm chức sắc để có thêm người cúng dàng việc đạo.

Về việc mua đất cất Đền Thánh, Đức Lý dạy:

“Thượng Trung Nhựt, phải làm thế nào chừa đất dư ra ít nữa là năm chục mẫu, là trọn cả bản đồ Bạch Ngọc Kinh vào cho đủ trong thánh địa ấy.”

THỨ TƯ 23-02-1927 (22-01 Đinh Mão):

Về việc tìm mua đất cất Đền Thánh, tại thánh thất Thiên Lâm, Đức Lý Thái Bạch dạy Đầu Sư Thượng Trung Nhựt:

“Hiền hữu nói với Thái Thơ Thanh rằng chừng nào mua

⁽⁶¹⁾ Sau khi Giáo Hữu Thái Giồng Thanh quy thiên, thánh thất Lộc Giang trở lại thành chùa Phước Long. Nay chùa ở xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, TpHCM, nhìn ra sông Chợ Đệm.

đất xong, Lão sẽ vẽ họa đồ khác. Nhớ biểu mua cho chí hết đất Ao Hồ cho trọn vẹn thánh địa, nghe à. (...) Phải mua hết trọn khoảnh đất ấy. Còn rìng, sau cũng phải xin khai khẩn...”

THỨ HAI 07-3-1927 (04-02 Đinh Mão):

Đức Cao Đài phê chuẩn *Tân Luật*. Ngài dạy Đầu Sư Thượng Trung Nhựt (Lê Văn Trung):

“Trung, con cũng cho các đạo hữu rõ rằng Tân Luật đã lập thành. Hội Thánh cứ đó mà ban hành.”⁽⁶²⁾

Tân Luật được in lần đầu tiên tại nhà in Commerciale C. Ardin, Sài Gòn, 14 trang (15x24cm) và phát hành từ đầu tháng 6 năm 1927.

THỨ BA 08-3-1927 (07-02 Đinh Mão):

Tại thánh thất Thiên Lâm, Đức Cao Đài dạy Đầu Sư Thượng Trung Nhựt (Lê Văn Trung) phải tức tốc gặp Thống Đốc Nam Kỳ Blanchard de la Brosse để giải tỏa mọi ngờ vực (bấy giờ thực dân Pháp nghi ngờ người đạo Cao Đài làm chánh trị nên bắt đầu đàn áp); nếu chẳng kết quả thì tiền khai Lê Văn Trung phải đánh điện tín sang Pháp kêu nài với chánh phủ. Rốt cuộc, chuyến đi ấy không thành công nên vào Thứ Bảy 19-3-1927 (16-02 Đinh Mão), Đức Cao Đài dạy Đầu Sư Thượng Trung Nhựt phải gặp Thống Đốc Nam Kỳ lần nữa.

⁽⁶²⁾ [Thánh Ngôn Hiệp Tuyển 2: 37].

THỨ SÁU 06-5-1927 (06-4 Đinh Mão):

Đầu Sư Thượng Trung Nhựt (Lê Văn Trung) thay mặt Hội Thánh gửi Thống Đốc Nam Kỳ Blanchard de la Brosse một văn thư, đề nghị chánh quyền cho phép các thánh sở Cao Đài được tự do hành đạo. Kèm theo thư là một danh sách các thánh sở tại Nam Kỳ Lục Tỉnh.

THỨ TƯ 11-5-1927 (11-4 Đinh Mão):

Phủ Thống Đốc Nam Kỳ gửi văn thư số 3633, xác nhận đã tiếp được văn thư ngày Thứ Sáu 06-5-1927 của Đầu Sư Thượng Trung Nhựt (Lê Văn Trung) và đang xem xét.

THỨ TƯ 01-6-1927 (02-5 Đinh Mão):

Đầu Sư Thượng Trung Nhựt (Lê Văn Trung) đại diện Hội Thánh ra Châu Tri khuyến nhủ đạo hữu (trích):

“Tôi đã nghe rằng nhiều đạo hữu ham mộ cơ bút rồi tập ngang, làm cho xảy ra nhiều chuyện lời thôi; đến đổi bị quy nhập mà điên, như một đạo hữu ở Thuộc Nhiêu (Mỹ Tho) và hai đạo hữu nữa ở Vĩnh Lộc (Gia Định). Vậy từ đây tôi nhứt định cấm tuyệt cơ bút khắp nơi. Nếu ai cãi lời còn dùng cơ bút nữa thì tôi hội Tòa Tam Giáo xin trục xuất ngoại Đạo.”⁽⁶³⁾

THỨ NĂM 21-7-1927 (23-6 Đinh Mão):

Thống Đốc Nam Kỳ Blanchard de la Brosse (Bắc Đẩu Bội Tinh hạng Tư, *Officier de la Legion d'Honneur*) gửi

văn thư số 5188, trả lời văn thư ngày Thứ Sáu 06-5-1927 của Đầu Sư Thượng Trung Nhựt. Theo đó, Phủ Thống Đốc chỉ chấp thuận cho bảy địa điểm được hành đạo, còn lại tất cả những nơi khác phải đóng cửa từ ngày 01-8-1927. Văn thư số 5188 còn lưu ý:

1. Đối với các cuộc họp có hơn hai mươi người, thì trước đó ít nhất ba ngày, người chủ đứng tên thánh sở phải thông báo cho chủ tỉnh hoặc đốc lý⁽⁶⁴⁾ thành phố Sài Gòn biết ngày giờ cuộc lễ.

2. Bất kể số người tham dự, mọi cuộc lễ đều phải công khai.

3. Mọi cuộc bàn luận hay những lời bóng gió liên quan chánh trị, tất cả các việc thực hành thông linh, phù chú hay thôi miên (*magnétisme*) đều bị nghiêm cấm.

Bảy địa điểm được phép hành đạo là:

a. *Tỉnh Gia Định* (bốn địa điểm):

- Nhà tiền bối Đặng Thị Sô, làng Phú Nhuận.

- Nhà tiền bối Nguyễn Văn Khá (thân phụ tiền khai Nguyễn Văn Kinh), làng Bình Lý, tổng Bình Thạnh Trung.

- Nhà tiền bối Nguyễn Văn Mười, ở Củ Chi, làng Phước Mỹ, tổng Long Tuy Hạ.

⁽⁶³⁾ [Huệ Nhẫn 2008: 250].

⁽⁶⁴⁾ *Đốc lý*: Viên chức đứng đầu một thành phố (*maire*).

- Nhà tiên bói Hồ Văn Đình, ở Giồng Ông Tố, làng Bình Trung, tổng An Bình.

(Địa điểm trong đơn điền của tiên khai Nguyễn Ngọc Thơ sẽ được quyết định sau.)

b. *Tỉnh Mỹ Tho*: Nhà tiên bói Nguyễn Văn Ca, Đốc Phủ Sứ hồi hưu.

c. *Tỉnh Tây Ninh*: Địa điểm trên đất của tiên khai Lâm Ngọc Thanh, ở làng Long Thành.

d. *Tỉnh Vĩnh Long*: Tại nhà tiên khai Lâm Ngọc Thanh, nghiệp chủ ở Vũng Liêm.

(Các địa điểm ở tỉnh Chợ Lớn, thành phố Sài Gòn và Chợ Lớn sẽ quyết định sau.)⁽⁶⁵⁾

CHỦ NHẬT 11-3-1928 (20-02 Mậu Thìn):

Đầu Sư Thượng Trung Nhựt viết *Lời Tựa* cho tập sách nhỏ *Phương Châm Hành Đạo*:

“Thiết tưởng, đạo nào cũng dạy lánh dữ làm lành. Chủ nghĩa mỗi tôn giáo thấy đều cao thượng; nhưng nếu người hành đạo không noi theo một phương châm nào cho chánh đáng, tức nhiên đạo cao thượng cũng hóa ra như hèn, rồi lâu đời mới chánh truyền phải mất.

Tôi vốn không từng viết văn, lẽ không nên làm sách, song nghĩ vì trách nhiệm nặng nề, sợ dĩ phải lược lược quyển

⁽⁶⁵⁾ [Huệ Nhẫn 2008: 154-162].

sách ‘Phương Châm Hành Đạo’ này, mong rằng chư đạo hữu lương phái nam nữ nhứt tâm hành sự theo quy tắc chuẩn thẳng, thì rất may mắn cho nền Đạo, mà lại cũng là một điều hân hạnh cho tôi lắm đó.”

Quyển *Phương Châm Hành Đạo* của Đầu Sư Thượng Trung Nhựt xuất bản năm 1929, dày 36 trang, khổ 11,5x15cm, in tại nhà in Tam Thanh, giá 0,10 đồng với dòng chữ: *Tiền huê lợi về sách này sẽ dùng về việc cần ích trong Đạo.*

CHỦ NHẬT 15-4-1928 (25-02 nhuận Mậu Thìn):

Tiên khai Thượng Trung Nhựt (Lê Văn Trung) được Đức Lý Thái Bạch *“nhượng trọn quyền Giáo Tông”*. Đàn cơ do hai vị tiên khai Hộ Pháp Phạm Công Tắc và Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư phò loan, tiên bói Thái Phối Sư Lâm Quang Bính làm điển ký. Đức Lý dạy:

“Thái Bính Thanh, hiền hữu nói lại với Thượng Trung Nhựt rằng Lão nhượng trọn quyền Giáo Tông lại cho người...”⁽⁶⁶⁾

CHỦ NHẬT 18-8-1929 (14-7 Kỷ Ty):

Đến dự lễ phát thưởng cho học sinh *Đạo Đức Học Đường* (bậc tiểu học), niên khóa đầu tiên (1928-1929) do Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh tổ chức, Thượng Đầu Sư Lê Văn Trung khen ngợi thầy cô giáo và các em học sinh đã

⁽⁶⁶⁾ [Huệ Nhẫn 2008: 230].

vượt qua mọi điều thiếu thốn để kết thúc năm học đầu tiên tốt đẹp. Nhắc tới hoàn cảnh cơ cực, tiên khai nói:

“Đạo nghèo đồng tiền eo hẹp. Thầy giáo không một đồng lương, lại thân ngày ngày dạy dỗ ấu nhi, phải làm công trả quả vùi thân cùng sanh chúng. Học sinh, đồng nhi nam nữ tập viết bằng lá buông. Chỗ ngủ lấy ván sạp làm giường. Bề ăn uống tương rau hẩm hứt.”⁽⁶⁷⁾

THỨ HAI 11-8-1930 (17-6 nhuận Canh Ngọ):

Hội Thánh ban hành quyền Nghi Tiết Đại Đàn Và Tiểu Đàn Tại Tòa Thánh Và Thánh Thất Các Nơi. Mở đầu sách là Châu Tri ngày Thứ Bảy 12-7-1930 (17-6 Canh Ngọ) của Đầu Sư Thượng Trung Nhựt:

“Đạo là chánh lý mà chánh lý thì có một nên cách hành lễ của Đạo phải y nhau như một mà thôi. Ai canh cải bày biện coi cho huê mỹ thì tội trọng.

Từ đây nếu còn đạo hữu nào không biết hành lễ thì lỗi về Giáo Hữu, Lễ Sanh, Chánh Phó Trị Sự và Thông Sự...”

THỨ BẢY 22-11-1930 (03-10 Canh Ngọ):

Các chức sắc Cửu Trùng Đài được lệnh Đức Lý Thái Bạch triệu về Tòa Thánh Tây Ninh hầu lịnh. Hai vị Hộ Pháp Phạm Công Tắc và Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu phò loan. Đức Giáo Tông Lý Thái Bạch giảng dạy:

“Chào chư hiền hữu, chư hiền muội. Có Đức Chí Tôn

⁽⁶⁷⁾ [Huệ Khải 2014: 37-38].

ngự, chư hiền hữu, chư hiền muội khá mừng Người! Lão cảm ơn Thượng Đầu Sư làm vẹn phận sự giúp Lão.”⁽⁶⁸⁾

Thượng Đầu Sư Lê Văn Trung bạch: Đệ tử cùng cả chức sắc đều hết lòng lo lắng, cúi xin Đức Giáo Tông từ bi tái nhậm quyền hành hầu chỉnh đốn nền Đạo.

Sau đó Đức Lý ban hành sáu đạo Nghị Định có hiệu lực thi hành từ Thứ Năm 04-12-1930 (15-10 Canh Ngọ). Sáu nghị định do Đức Giáo Tông Vô Vi Lý Thái Bạch và Hộ Pháp Phạm Công Tắc đồng ký tên.⁽⁶⁹⁾

Điều Thứ Nhứt của Nghị Định Thứ Nhì quy định: *“Ban quyền hành cho Thượng Đầu Sư [Thượng Trung Nhựt] thay mặt cho Lão mà thi hành các phận sự Giáo Tông về phần xác, còn phần thiêng liêng có Lão.”*

THỨ NĂM 04-12-1930 (15-10 Canh Ngọ):

Tiên khai Thượng Trung Nhựt (Lê Văn Trung) đảm nhiệm phẩm vị Quyền Giáo Tông nhưng chưa làm lễ đăng điện. (Phải chăng vì vậy trong các văn thư, châu tri ký năm 1931, tiên khai vẫn ghi phẩm vị Thượng Đầu Sư?)

THỨ SÁU 19-12-1930 (30-10 Canh Ngọ):

Hội Thánh ban hành Nghị Định thành lập Tòa Tam Giáo.

⁽⁶⁸⁾ [Huệ Nhẫn 2008: 231].

⁽⁶⁹⁾ Thứ Sáu 24-8-1934 (15-7 Giáp Tuất), Đức Lý Giáo Tông và Phạm Hộ Pháp cùng ký tên ban hành Nghị Định Thứ Bảy và Nghị Định Thứ Tám.

Theo Điều Thứ Nhứt, kể từ 01-12 Canh Ngọ trở đi, Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung là Chánh Tòa của Tòa Tam Giáo.

THỨ BẢY 04-7-1931 (19-5 Tân Mùi):

Tại Tây Ninh, Đầu Sư Thượng Trung Nhứt (Lê Văn Trung) gửi Thống Đốc Nam Kỳ Jean Félix Krautheimer văn thư số 202, thông báo đã giao tiền khai Nguyễn Ngọc Tương cầm giềng mỗi đạo (trích):

“J’ai l’honneur de vous faire connaître qu’à partir de ce jour M. NGUYỄN NGỌC TƯƠNG est chargé de la direction du Caodaïsme (...). M. NGUYỄN NGỌC TƯƠNG est chargé d’entretenir des relations avec le Gouvernement en ce qui concerne le Caodaïsme (...).”

Dịch: Tôi hân hạnh cho Ngài hay kể từ nay ông NGUYỄN NGỌC TƯƠNG được ủy thác nhiệm vụ cầm giềng mỗi đạo Cao Đài (...). Ông NGUYỄN NGỌC TƯƠNG chịu trách nhiệm giao thiệp với chánh phủ về mọi vấn đề của đạo Cao Đài (...).⁽⁷⁰⁾

THỨ SÁU 01-7-1932 (28-5 Nhâm Thân):

Thượng Đầu Sư Lê Văn Trung soạn xong tập sách mỏng *Luận Đạo Chọn Ngôn*. Sách in tại nhà in Đức Lưu Phương (Sài Gòn).

CHỦ NHẬT 12-3-1933 (17-02 Quý Dậu):

Lễ đăng điện của Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung tổ chức tại Tòa Thánh Tây Ninh.

⁽⁷⁰⁾ [Huệ Khải 2016: 25].

THỨ BA 18-4-1933 (24-3 Quý Dậu):

Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung ký văn thư số 69 gửi Thống Đốc Nam Kỳ Jean Félix Krautheimer, thông báo rằng Hội Thánh đã cử Giáo Sư Thượng Latapie Thanh (người Pháp, sinh năm 1885, quy thiên Thứ Bảy 15-9-1934) thay thế tiền khai Thượng Tương Thanh (Nguyễn Ngọc Tương) để đại diện đạo Cao Đài tiếp xúc chánh quyền.⁽⁷¹⁾

THỨ TƯ 27-12-1933 (11-11 Quý Dậu):

Tại Tòa Thánh Tây Ninh, tiền khai Lê Văn Trung ký văn bản giao lại quyền hành như sau (trích):

“Ngày nay tôi có nhóm chức sắc Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài tại nơi bưu điện mà lo việc hòa bình của Đạo. Chư vị chức sắc nam nữ cũng rõ biết rằng lo được việc lớn lao này cho Đạo thì trong mấy năm nay, tôi cũng mòn mỏi thân phàm xác thịt.

Vậy kể từ ngày nay, tôi xin giao lại cho các em sau đây là Hộ Pháp, Thượng Đầu Sư, Ngọc Đầu Sư, Thái Đầu Sư và Nữ Chánh Phối Sư lo mà điều hành nền Đạo, cho tôi được an dưỡng thân thể một ít lâu cho đặng tráng kiện lại như xưa, đặng khẩn vái Trời Phật cho nền Đạo đặng tấn

⁽⁷¹⁾ Lý do thay thế: Theo thư ngày 01-4-1933 của tiền khai Thượng Tương Thanh (Nguyễn Ngọc Tương) gửi Thống Đốc Nam Kỳ, lúc ấy tiền khai Thượng Tương Thanh đã thăng lên phẩm Đầu Sư, nên không còn giữ nhiệm vụ đại diện cho đạo Cao Đài để giao thiệp với chánh quyền.

phát, cho mau hòa bình thế giới, cho sanh chúng đặng hưởng phước Trời.”

Văn bản do Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt ký tên. Đồng ký tên có các vị: Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Thượng Đầy Sư Nguyễn Ngọc Tương, Ngọc Đầy Sư Lê Bá Trang, Thái Đầy Sư Nguyễn Ngọc Thơ, và Nữ Chánh Phối Sư Hương Thanh (Lâm Ngọc Thanh).

THỨ NĂM 22-02-1934 (09-01 Giáp Tuất):⁽⁷²⁾

Chánh quyền tỉnh Tây Ninh cho sen đầm (*gendarmes*) mang hai trát tòa (*mandats d'arrêt*) vào Giáo Tông Đường bắt Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung và giam tại khám đường Tây Ninh hai ngày rưỡi. Lý do phạt giam: Người làm công quả tại Tòa Thánh Tây Ninh đánh xe bò đi trong đêm không tắt đèn làm hiệu; bò thiếu dây buộc ách; ba mươi bốn người làm công quả tại Tòa Thánh không đóng thuế thân.⁽⁷³⁾ Khi rời Tòa Thánh, tiền khai khẩn áo chỉnh tề,

⁽⁷²⁾ Có tác giả chép Lê tiền khai bị bắt giam ngày 20-02-1934. Nhưng trong thư ngày 04-3-1934 gửi Tổng Thống Pháp Albert François Lebrun để trả lại Bắc Đẩu Bội Tinh, tiền khai Lê Văn Trung viết là “ngày 22-02 vừa qua” (*le 22 Février dernier*):

“*La dernière en date fut mon emprisonnement, le 22 Février dernier, pour dette due au fisc par trente-quatre de mes coreligionnaires, prétexte tout à fait fallacieux.*” (Gần đây nhất, vào ngày 22-02 vừa qua, tôi bị ngồi tù, mà cái cớ tôi bị tổng giam là vì ba mươi bốn đồng đạo của tôi thiếu thuế, một cái cớ hoàn toàn giả dối.)

⁽⁷³⁾ Mức thuế thân ở Nam Kỳ từ 5,58 đồng (năm 1913) tăng lên

đeo Bắc Đẩu Bội Tinh hạng Năm (*Chevalier de la Légion d'Honneur*).

CHỦ NHẬT 04-3-1934 (19-01 Giáp Tuất):

Là ngày ghi trên lá thư tiền khai Lê Văn Trung viết gửi Tổng Thống Pháp Albert François Lebrun (nhiệm kỳ 1932-1940) để trả lại Bắc Đẩu Bội Tinh hạng Năm (*Chevalier de la Légion d'Honneur*), kháng nghị việc bị chánh quyền tỉnh Tây Ninh bắt giam sai trái.

THỨ HAI 19-11-1934 (13-10 Giáp Tuất):

Vì bệnh, lúc 3 giờ chiều, Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung quy thiên tại Giáo Tông Đường. Cùng ngày, Văn Phòng Nội Chánh ra châu tri số 16 thông báo tin buồn. Đồng ký tên có Thái Chánh Phối Sư (Khai Đạo Phạm Tấn Đãi), Thượng Chánh Phối Sư (Khai Thế Thái Văn Thâu), Ngọc Chánh Phối Sư (Khai Pháp Trần Duy Nghĩa), và Nữ Chánh Phối Sư (Hương Thanh). Hội Thánh thông báo cho bốn đạo để tang: Chức sắc Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài từ phẩm Giáo Hữu hay tương đương trở lên, để tang

7,5 đồng (năm 1929). Tính bình quân đầu người, không phân biệt già trẻ lớn bé, mỗi người dân Việt Nam phải nộp 8 đồng tiền thuế, tương đương 70 ký gạo trắng hạng nhất thời ấy.

Theo Đinh Xuân Lâm (chủ biên), *Đại Cương Lịch Sử Việt Nam*, Tập II, Nxb Giáo Dục, 1998, tr. 220-221.

Dẫn theo Cục Văn Thư Và Lưu Trữ Nhà Nước: *Về Sắc Lệnh Bãi Bỏ Thuế Thân*, tại <http://www.archives.gov.vn> (truy cập 23-5-2016).

một năm; Lễ Sanh và tín đồ thì tùy tâm. Các việc vui tạm ngưng ba tháng. Lễ tổng chung (an táng) được định vào 9 giờ sáng Chủ Nhật 02-12-1934.

THỨ TƯ 21-11-1934 (15-10 Giáp Tuất):

Hội Thánh làm lễ thành phục⁽⁷⁴⁾ Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung. Liên đài được quàn tại Giáo Tông Đường đến Thứ Sáu 30-11-1934 (24-10 Giáp Tuất) thì đặt liên đài lên lưng long mã đưa đến Đền Thánh.

THỨ BẢY 01-12-1934 (25-10 Giáp Tuất):

Lúc 6 giờ chiều, liên đài đặt lên lưng long mã đưa ra Cửu Trùng Thiên tại Đại Đồng Xã, trước Đền Thánh.

CHỦ NHẬT 02-12-1934 (26-10 Giáp Tuất):

Từ 6 giờ sáng đến 10 giờ sáng, các chức sắc, chức việc đến hành lễ. Lúc 10 giờ sáng, di liên đài. Lúc 12 giờ trưa, liên đài Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung được đưa vào bửu tháp, phía sau Bát Quái Đài của Đền Thánh.

THÁNG 9-1952 (Nhâm Thìn):

Nhân khai giảng năm học 1952-1953, tiền khai Phạm Hộ Pháp đặt tên một trường học do Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh trông nom là *Nghĩa Thực Lê Văn Trung*, về sau nghĩa thực trở thành *trường trung tiểu học Lê Văn Trung*. Đạo Đức Học Đường (do Hội Thánh lập vào tháng 9-1928) tiếp tục dạy con em tín đồ bậc tiểu học; khi lên bậc trung học thì

các trẻ được chuyển ra trường trung tiểu học Lê Văn Trung (gần cửa số 7 ngoại ô Đền Thánh).

Ngoài ra, để ghi nhớ đạo nghiệp của Lê tiền khai:

- Ở mặt tiền Đền Thánh, bên lầu chuông (Bạch Ngọc Chung Đài) có đắp tượng Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung đứng trên quả địa cầu.

- Cặp bên hông Giáo Tông Đường, trong nội ô Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh, có con đường mang tên Đức Thượng Trung Nhựt.⁽⁷⁵⁾

⁽⁷⁴⁾ Sau khi khâm liệm người quá cố, thân nhân mặc tang phục.

⁽⁷⁵⁾ Tôi chưa tìm được thời điểm đắp tượng Đức Quyền Giáo Tông ở lầu chuông và đặt tên Ngài cho con đường ấy. (HK)

CHÍ SĨ NGUYỄN QUANG ĐIỀU VIẾT VĂN TẾ ĐỨC QUYỀN GIÁO TÔNG LÊ VĂN TRUNG

Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung (1876-1934) quy thiên; ba mươi chín năm sau, Tòa Thánh Tây Ninh xuất bản *Tiểu Sử Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt* (Lê Văn Trung).⁽¹⁾ Sách là một sử liệu quý, kết tập được nhiều văn bản liên quan đến con người và đạo nghiệp của tiền khai Thượng Trung Nhựt, trong đó có ba điều văn và ba văn tế được in lại.

Hai trong ba văn tế ấy đã được tiền khai Hộ Pháp Phạm Công Tắc (1890-1959) và tiền khai Nữ Chánh Phối Sư Hương Thanh (1874-1937) đọc trước Cờ Trùng Thiên nơi Đại Đồng Xã vào Thứ Hai 11-11-1935 (16-10 Ất Hợi), nhân dịp tiểu tường Đức Quyền Giáo Tông.

Như thế, khi soạn quyển *Tiểu Sử* nói trên Tòa Thánh Tây Ninh đã để sót ít ra là một văn tế khác. Nguyên do, năm 1935 một chức sắc Cao Đài ở Tân Châu đã đến cậy chí sĩ Nguyễn Quang Diêu (1880-1936) viết giúp văn tế nhân lễ tiểu tường Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung. Văn tế này có thể sẽ mai một nếu như khoảng năm 1959 Nguyễn

⁽¹⁾ Bản in lần thứ nhất tại nhà in Sơn Châu, Sài Gòn, năm 1973 (Quý Sửu), 200 trang. Phát hành ngày 07-11-1973.

Văn Hầu (1922-1995) không bắt đầu cuộc điền dã sưu tầm tài liệu để vào năm 1961 thì biên soạn về cuộc đời chí sĩ Nguyễn Quang Diêu.

Sách *Chí Sĩ Nguyễn Quang Diêu* in tại Sài Gòn lần đầu năm 1961 (Nxb Xây Dựng), với bài *Tựa* rất hay của Nguyễn Hiến Lê (1912-1984). Năm 1973, trong lúc quyển *Tiểu Sử Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt* được Tòa Thánh Tây Ninh ấn hành thì tác phẩm *Chí Sĩ Nguyễn Quang Diêu* được Nxb Hương Sen in lại và phát hành vào Tết dương lịch năm 1974.⁽²⁾

Trong *Phần II: Thi Ca Nguyễn Quang Diêu*, ở mục *III – Văn Tế Và Câu Đối*, Nguyễn Văn Hầu công bố văn tế này cùng với ba mươi chú thích các từ khó trong văn bản. Nguyên văn⁽³⁾ bản văn tế cùng lời chú thích⁽⁴⁾ như sau:

Hỡi ôi!

Sông Nhựt⁽⁵⁾ sóng xao;

⁽²⁾ Tháng 10-2002, tạp chí *Xưa & Nay* liên kết với Nxb Trẻ in lại sách với nhan đề *Chí Sĩ Nguyễn Quang Diêu – Một Lành Tự Trọng Yếu Trong Phong Trào Đông Du Ở Miền Nam*. Bản in này có bổ sung ở phần *Phụ Lục* hai bài trên tạp chí *Bách Khoa* về hai nhà cách mạng có liên quan tới Nguyễn Quang Diêu (là Nguyễn Thành Hiến và Lý Liễu), cùng một số hình ảnh.

⁽³⁾ Nguyễn Văn Hầu, *Chí Sĩ Nguyễn Quang Diêu*. Nxb Hương Sen 1974, tr. 201-204.

⁽⁴⁾ Ngoài phần chú thích văn tế của Nguyễn Văn Hầu, những lời chú thêm của Huệ Khải được ghi là [HK].

⁽⁵⁾ *sông Nhựt*: dịch chữ Nhựt thủy. Tên một miền biển ở về

Vườn Kỳ⁽⁶⁾ tuyết phủ!
Xuân qua rồi đông lại, máy trời chóng lẹ đường thoi;
Bể thăm xây còn nung,⁽⁷⁾ cuộc thế xoay vần quá vụ!⁽⁸⁾
Người đời đến thế thì thôi;
Trời Phật vì đâu nữ phụ!
Nhớ Đức Giáo Tông xưa:
Tranh cạnh đôi lòng nay;
Từ bi noi dấu cũ.
Đối đạo hữu⁽⁹⁾ suy lòng thảo lão,⁽¹⁰⁾ vẫn giữ niềm ai
cũng như ai;

cực Tây nước Tàu. Theo *Son Hải Kinh* thì nước ở miền này rất yếu, không đỡ nổi một hạt cải. *Nước Nhược non Bồng* là cõi của Thần Tiên, nơi phong cảnh đẹp.

⁽⁶⁾ *vườn Kỳ*: vườn của Kỳ Đà thái tử. Kinh *Kim Cang* chép: Trưởng giả Tu Đạt Đa muốn dựng tịnh xá cho Phật ở, nhưng bấy giờ không đâu rộng rãi mát mẻ cho bằng tại khu vườn của thái tử Kỳ Đà. Tu Đạt Đa đem tò ý đó với thái tử, thái tử mới nói chơi: “Có vàng trải được tới đâu sẽ cho tới đó.” Tu Đạt Đa đem vàng lót khắp và cất tịnh xá cho Phật. Điền *sông Nhược*, *vườn Kỳ* dùng trên, nói cảnh Tiên, cảnh Phật; còn *sóng xao*, *tuyết phủ*, chỉ sự biến cố, thảm thương.

⁽⁷⁾ Phải chăng là *còn nông* (còn cạn), đối với *biển thăm* (biển sâu)? Xin tôn nghi. [HK]

⁽⁸⁾ *quá vụ*: xoay tí chẳng khác nào con quay (bông vụ). [HK]

⁽⁹⁾ *đạo hữu*: bạn đạo. Danh từ thông dụng trong đạo Cao Đài, xưng hô bình đẳng giữa các tín đồ đồng đạo.

⁽¹⁰⁾ *thảo lão*: ăn ở có lòng thảo, biết nhường nhịn, chia sẻ lẫn cho nhau.

Cùng ngoại nhân⁽¹¹⁾ ra dáng bô lô,⁽¹²⁾ chẳng hề ý chú
thây mặc chú.

Phô lời giữ mực kim ngôn;⁽¹³⁾

Sửa nét lánh phùng đồng xú.⁽¹⁴⁾

Nào thuở nổi chìm bể hoạn,⁽¹⁵⁾ đem thân làm tai mắt
cho tân trào;⁽¹⁶⁾

Đến khi lánh hé⁽¹⁷⁾ đường trần, ghi dạ tạc đá vàng cùng
Đại Phụ.⁽¹⁸⁾

Tài năng thế, đạo đức thế, lẽ thì mạng đặc trường
sanh;⁽¹⁹⁾

⁽¹¹⁾ *ngoại nhân*: người ngoài, không có đạo.

⁽¹²⁾ *bô lô*: do tiếng *bô lô ba la*, cũng như *bãi buôi* hay *đãi bôi*, nói cách xử thế vui vẻ hời hợt, bề ngoài.

⁽¹³⁾ *kim ngôn*: lời vàng, lời nói ra có ích lợi, đáng coi quý như vàng.

⁽¹⁴⁾ *đồng xú*: hơi đồng hôi tanh. Sách *Hậu Hán* chép: Thôi Liệt nộp tiền 50 vạn để được làm chức Tư Đồ, sau ông hỏi con xem thiên hạ có dị nghị gì không, con ông đáp: “Người ta chê có hơi đồng.” Văn nhân dùng hai tiếng *đồng xú* để nói việc lấy tiền mua danh hay cậy của để làm bậy.

⁽¹⁵⁾ *bể hoạn*: dịch chữ *hoạn hải*, con đường làm quan thăng giáng không chừng, nổi chìm chưa chắc, không khác chiếc thuyền con lênh đênh trên mặt bể.

⁽¹⁶⁾ *tân trào*: trào lưu mới. Đây nói Tây.

⁽¹⁷⁾ *lánh hé*: tránh đi, không cho trông thấy nữa.

⁽¹⁸⁾ *Đại Phụ*: tức *Đại Từ Phụ*, bậc cha lành trên cả nhân loại; danh từ thông dụng trong đạo Cao Đài, chỉ Thượng Đế.

⁽¹⁹⁾ *trường sanh*: sống lâu năm.

Tịch diệt⁽²⁰⁾ vậy, võ hóa⁽²¹⁾ vậy, rủa mới danh thù bắt hủ.⁽²²⁾

Ôi thôi thôi!

Có sống thì có thác, nã nề xác thịt phàm trần;⁽²³⁾

Châu Phật lại châu Tiên,⁽²⁴⁾ thong thả mảnh hồn linh tú.⁽²⁵⁾

Đàn Tam Giáo⁽²⁶⁾ vắng lời diễn thuyết, lấy ai tế độ⁽²⁷⁾ kiếp quần sinh;⁽²⁸⁾

⁽²⁰⁾ *tịch diệt*: công hạnh viên mãn, tiêu mất hết phần thể chất mà vào cõi nát bần. Chữ dùng chỉ sự chết của các bậc tu hành có đạo đức cao trong đạo Phật.

⁽²¹⁾ *võ hóa*: hóa thành lông cánh mà bay lên cõi Tiên. Chữ dùng chỉ sự chết của các bậc đạo sĩ tu theo đạo Tiên.

⁽²²⁾ *danh thù bắt hủ*: tiếng tốt còn lại mãi không mục nát được.

⁽²³⁾ *phàm trần*: trần tục trong cõi đời, không phải Thần Tiên.

⁽²⁴⁾ *châu Phật lại châu Tiên*: giáo lý của đạo Cao Đài hỗn hợp [sic] nhiều tinh túy của các đạo giáo xưa, trong đó có giáo lý của Thích Ca và Lão Tử. Ở đây cũng như một vế trên, cụ Nguyễn muốn nói việc tu Phật và tu Tiên trong giáo điều của đạo ấy.

⁽²⁵⁾ *linh tú*: thiêng liêng và tốt đẹp.

⁽²⁶⁾ Tam Giáo: tức Nho Giáo, Lão Giáo, và Phật Giáo. Cũng gọi Phật, Thánh, Tiên. Trong cơ bút của Cao Đài có câu: *Trong Tam Giáo có lời khuyên dạy / Góc bởi lòng làm phải làm lành*. [Đây là hai câu 5-6 của bài *Khai Kinh*, trong kinh cúng tứ thời của đạo Cao Đài. HK]

⁽²⁷⁾ *tế độ*: giúp đỡ, dẫn dắt đi. [Nên hiểu là *cứu độ*, *cứu rỗi*. HK]

⁽²⁸⁾ *quần sinh*: cuộc sống của loài người và vạn vật.

Khách Lục Châu⁽²⁹⁾ rún chí quy y,⁽³⁰⁾ xiết nỗi dờ dang bề đạo hữu.

Thôi đã tục tiên chia nẻo, dẫu muốn theo, theo dễ được gần;

Đành rằng u hiển⁽³¹⁾ khác miền, tuy có khóc, khóc sao cho thấu!

Sông biển trông ơn đại đức,⁽³²⁾ nguyên siêu thăng⁽³³⁾ tất cả tín đồ;⁽³⁴⁾

Tóc tơ đáp lễ tiểu tường,⁽³⁵⁾ kính đạm bạc vài tuần tiên tử.⁽³⁶⁾

⁽²⁹⁾ *Lục Châu*: sáu châu; cũng như nói Lục Tinh, tức là sáu tinh ngày xưa ở miền Nam nước Việt [trước khi Pháp chiếm. HK].

⁽³⁰⁾ *quy y*: về theo, tin theo tôn giáo.

⁽³¹⁾ *u hiển*: tối tăm và sáng rõ; âm phủ và dương gian.

⁽³²⁾ *đại đức*: đức hạnh to lớn.

⁽³³⁾ *siêu thăng*: vượt lên trên, hướng về những nơi cao khiết.

⁽³⁴⁾ *tín đồ*: người tin theo tôn giáo.

⁽³⁵⁾ *tiểu tường*: lễ kỷ niệm chu niên ngày chết; cũng gọi làm tuần giáp năm.

[Theo *Tân Luật* Cao Đài, kể từ ngày chết, cách chín ngày cúng cửu cho người quá cố một lần, tổng cộng chín cửu (tám mươi một ngày). Sau cửu thứ chín, tính thêm hai trăm ngày thì cúng tiểu tường. Sau tiểu tường, tính thêm ba trăm ngày thì cúng đại tường và mãn tang. Như vậy lễ tiểu tường cách ngày chết hai trăm tám mươi một ngày (chưa trọn một năm) và lễ đại tường cách ngày chết năm trăm tám mươi một 581 ngày (chưa trọn hai năm). HK]

⁽³⁶⁾ *tiên tử*: rượu tiên.

Nguyễn Hiến Lê (1912-1984) khen văn tế này là “*khéo dùng những từ ngữ đặc biệt của miền Nam (...) gây được một âm hưởng riêng...*”⁽³⁷⁾

Ngoài giá trị văn học, văn tế trên đây còn là một văn liệu, sử liệu rất đặc biệt, bởi vì Nguyễn Quang Diêu chính là một nhân vật tên tuổi đầy hào khí của Nam Kỳ buổi trước. Còn Nguyễn Văn Hào, người có công sưu tầm và công bố văn tế, vốn là một nhân vật tên tuổi trong làng văn miền Nam, một cư sĩ đã góp nhiều công quả hoằng pháp trong Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo trước đây.

TIỂU SỬ CHÍ SĨ NGUYỄN QUANG ĐIÊU

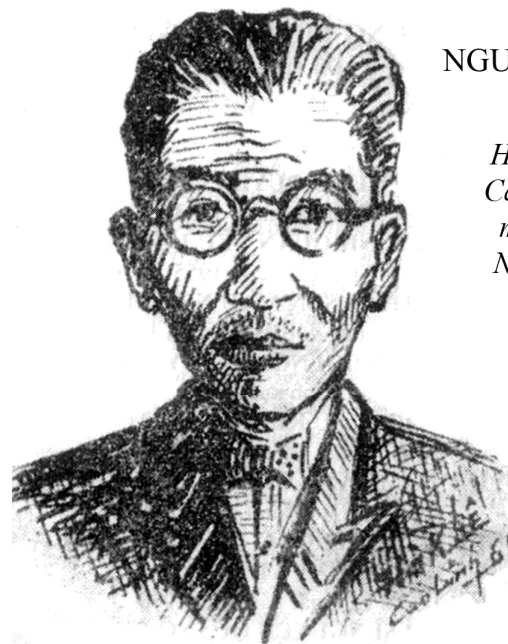
1880 (Canh Thìn): Chào đời tại làng Tân Thuận, tổng An Tịnh, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc. Song thân là Nguyễn Quang Huy và Nguyễn Thị Huệ.⁽³⁸⁾ Ông nội là Nguyễn Quang Dụ.

1886 (Bính Tuất): Học chữ Nho với cha.

1890 (Canh Dần): Học chữ quốc ngữ với Hương Hào Dục.

⁽³⁷⁾ Nguyễn Văn Hào, *Chí Sĩ Nguyễn Quang Diêu*. Nxb Hương Sen 1974, tr. XV.

⁽³⁸⁾ Ông Huy là nghị viên địa hạt, tục gọi Hội Đồng Sách. Ông có hai trai, ba gái. Ông Diêu là con thứ tư (trong Nam kể là thứ năm).



Chí sĩ
NGUYỄN QUANG ĐIÊU
1880-1936

Họa sĩ Hà Khê vẽ tại Cao Lãnh (1961) theo mô tả của môn sinh Nguyễn Chính Giáo.



NGUYỄN VĂN HÀU
1922-1995

1895 (Ất Mùi): Học chữ Nho với Tú Tĩnh, một thầy đồ người Bắc. Học dở dang vì thầy Tú đi làm cách mạng.

1898 (Mậu Tuất): Sang Phú Thuận (Châu Đốc) học với Tú Tài Trần Hữu Thường, được thầy cho tên hiệu là Tử Ngọc.

1907 (Đinh Mùi): Bỏ học, khi phong trào Đông Du lan vào Nam. Tiếp tay với Nguyễn Thần Hiến (1856-1914) hoạt động cho Khuyết Du Học Hội, giúp thanh niên sang Nhật học.⁽³⁹⁾ Mượn chùa Linh Sơn (Cao Lãnh) của Hòa Thượng Hoàng Đạo để hội họp với các đồng chí và các nhóm cách mạng.

Cuối tháng 5-1913 (tháng 4 Quý Sửu): Làm trưởng đoàn hướng dẫn mười một người nữa sang Trung Quốc để lãnh tiền (chỉ tệ tín phiếu), mua vũ khí và gặp Nguyễn Thần Hiến. Từ Thượng Hải, sang Hương Cảng để họp với các đồng chí tại nhà Huỳnh Văn Nghị, tức Huỳnh Hưng, người Tam Bình (Vĩnh Long). Dự định sẽ từ Hương Cảng đi Hàng Châu gặp một vài lãnh tụ.

Giữa tháng 6-1913 (tháng 5 Quý Sửu): Bị thực dân Anh tại Hương Cảng giải về Hà Nội để giao nộp cho thực dân Pháp.⁽⁴⁰⁾ Bị giam ở Hỏa Lò.

⁽³⁹⁾ Năm 1907 có 115 thanh niên sang Nhật (miền Bắc 30, miền Trung 10, miền Nam 75).

⁽⁴⁰⁾ Khi cảnh sát Anh tại Hương Cảng khám xét nhà Huỳnh Hưng, tìm thấy mười ba quả tạc đạn và tài liệu. Tòa phạt Huỳnh Hưng hai trăm bảng và chín tháng tù. Ngoài Nguyễn

1914 (Giáp Dần): Mùa xuân, cùng nhiều đồng chí khác bị bắt ở Hương Cảng năm trước, bị thực dân Pháp đày sang Cayenne của Guyane (Nam Mỹ), phần thuộc địa của Pháp. Tháng 7, cùng các đồng chí bàn kế hoạch vượt ngục.

1917 (Đinh Ty): Đầu năm, cùng Đinh Hữu Thuật dùng thuyền buồm đánh cá của thổ dân vượt biển sang đảo Trinidad. Lấy tên là Cảnh Sơn, làm việc cho một hãng buôn trên đảo.

1920 (Canh Thân): Giữa năm, lên tàu đi Washington (Mỹ). Cuối năm, tới Hương Cảng, rồi sang Quảng Châu (Trung Quốc). Thường đi lại giữa Quảng Châu và Tứ Xuyên để gặp các đồng chí.

1924 (Giáp Tý): Giữa năm, đến trường võ bị Hoàng Phố Quân Quan Học Hiệu ở Quảng Châu thuyết trình bằng tiếng Trung Quốc đề tài “Việt Nam Cách Mạng Lưu Vong Chư Nhân Vật” (các nhà cách mạng Việt Nam lưu vong).

1926 (Bính Dần): Hóa trang làm người Tàu, lấy tên giả là Nam Xương, cùng vài đồng chí xuống tàu rời Quảng Châu về Sài Gòn.

Tháng 3-1927 (trung tuần tháng 02 Đinh Mão): Từ Sài Gòn về tới Sa Đéc. Chỉ gặp vợ và hai con trong chốc lát,⁽⁴¹⁾

Quang Diêu còn có Nguyễn Thần Hiến, Đinh Hữu Thuật và nhiều đồng chí khác.

⁽⁴¹⁾ Ông bảo vợ: “Tôi tưởng bỏ thân đất lạ, nay may mà được về đây, mừng rỡ gặp nhau như vậy cũng là quý lắm. Thôi bà trở về lo lắng nuôi con, còn phần tôi, bao giờ việc nước chưa xong

rời đi luôn vào Ba Thê (núi Sập), lánh thân ở đồn điền của Cử Nhân Võ Hoàn (1873-1946), một nhà cách mạng. Lúc này lại lấy tên là Trần Văn Vện trên giấy thuế thân. Từ Ba Thê, lại lần đi các tỉnh Nam Kỳ để tiếp xúc các đồng chí. Bị mật thám Pháp lùng bắt rất ngặt.

Tháng 5-1929 (tháng 4 Kỷ Ty): Tới Tân An, tá túc ở một tiệm thuốc bắc, giả làm thầy đồ gốc miền Trung tha hương độ nhật. Chỉ được mấy tháng, lớp học bị đóng cửa.

1930 (Canh Ngọ): Mùa xuân, trở về Cao Lãnh.

Tháng 02-1932 (tháng 01 Nhâm Thân): Tạm lánh ở làng Vĩnh Hòa (thuộc tỉnh Châu Đốc, giáp ranh biên giới Cam Bốt), được các hương chức trong làng tận tình trợ giúp mở trường dạy học và làm thầy thuốc, tìm cách che mắt mật thám Pháp.⁽⁴²⁾

03-7-1936 (15-5 Bính Tý): Giở ngo, quy thiên vì bệnh thương hàn. An táng tại làng Vĩnh Hòa.⁽⁴³⁾

thì chắc tôi chưa sum vầy với gia đình được.”

⁽⁴²⁾ Sau khi ông Diêu tạ thế năm năm, chủ tỉnh Châu Đốc là Sylvestre mới phát giác. Vì thế ba hương chức yêu nước của làng Vĩnh Hòa là Hương Quản Nguyễn Minh Dương, Hương Chủ Nguyễn Công Hoàng, Hương Hào Nguyễn Hữu Duy cùng bị cách chức một lượt, giao cho chánh mật thám Bazin ở Sa Đéc điều tra.

⁽⁴³⁾ Tiểu sử biên niên Nguyễn Quang Diêu căn cứ theo Nguyễn Văn Hào, *Chí Sĩ Nguyễn Quang Diêu*. Nxb Hương Sen 1974, tr. 27-100.

TIỂU SỬ NGUYỄN VĂN HẬU

06-8-1922 (14-6 Nhâm Tuất): Chào đời tại Long Xuyên (nay là làng Hòa Hảo, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang). Đi học ở Long Xuyên và Cần Thơ.

1939 (Kỷ Mão): Viết văn, làm thơ. Có bài đăng báo *Tiến Bộ, Mai* (Sài Gòn).

1943-1944 (Quý Mùi – Giáp Thân): Hoạt động chánh trị ít lâu rồi bỏ. Chuyên tâm nghiên cứu văn học, sử học.

1947 (Đinh Hợi): Dạy học ở Long Xuyên (trường trung học Thoại Ngọc Hầu) và Châu Đốc (trường trung học Thủ Khoa Nghĩa).

1952 (Nhâm Thìn): In *Tiếng Quyên* (Nxb Liên Chính).

1955 (Ất Mùi): In *Chánh Quân Yếu Lược* (Bộ Tư Lệnh Quân Lực Miền Tây xuất bản).

1956 (Bính Thân): In *Cuộc Khởi Nghĩa Bảy Thưa* (Nxb Tân Sanh). In *Việt Sử Kinh Nghiệm* (Nxb Hồn Quê). In *Việt Nam Tam Giáo Sử Đại Cương* (Nxb Phạm Văn Tươi).

1960 (Canh Tý): In *Thuật Viết Văn* (Nxb Tự Do).

1961 (Tân Sửu): In *Chí Sĩ Nguyễn Quang Diêu* (Nxb Xây Dựng).

1966 (Bính Ngọ): Quyển *Chí Sĩ Nguyễn Quang Diêu* được tặng giải thưởng văn chương toàn quốc (Sài Gòn).

1969 (Kỷ Dậu): In *Nhận Thức Phật Giáo Hòa Hảo* (Nxb Hương Sen). In *Muốn Về Cõi Phật* (Nxb Hương Sen).

1970 (Canh Tuất): In *Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh* (Nxb Nguyễn Hiến Lê). In *Tu Rèn Tâm Trí* (Nxb Hương Sen). In *Pháp Luận* (Nxb Hương Sen). In *Bản Ngã Người Việt* (Nxb Hồn Quê).

1971 (Tân Hợi): In *Thất Sơn Mầu Nhiệm* (Nxb Hương Sen).

1972 (Nhâm Tý): In *Tuyên Trưng Hầu Nguyễn Văn Tuyên* (Ủy ban xây cất lăng miếu Tuyên Trưng Hầu xb).

1973 (Quý Sửu): In *Năm Cuộc Đối Thoại Về Phật Giáo Hòa Hảo* (Nxb Hương Sen). In *Thoại Ngọc Hầu Và Những Cuộc Khai Phá Miền Hậu Giang*.

12-3-1995 (12-02 Ất Hợi): Quy thiên.

Huệ Khải
Phú Nhuận, 31-8-2003

SÁCH THAM KHẢO

[Huệ Khải 2010], *Đất Nam Kỳ – Tiền Đề Pháp Lý Mở Đạo Cao Đài*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2010.

[Huệ Khải 2012], *Ngô Văn Chiêu – Người Môn Đệ Cao Đài Đầu Tiên*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2012.

[Huệ Khải 2014], *Gia Đình Trong Tân Luật Cao Đài*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2014.

[Huệ Khải 2016], *Hành Trạng Tiền Khai Nguyễn Ngọc Trương 1881-1951*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2016.

[Huệ Nhẫn 2005], *Lịch Sử Đạo Cao Đài. Quyển I – Khai Đạo*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2005.

[Huệ Nhẫn 2008], *Lịch Sử Đạo Cao Đài. Quyển II – Truyền Đạo*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2008.

[Hương Hiếu I, II], *Đạo Sử Xây Bàn*. Quyển I và II (ronéo). Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh. Không ghi năm ấn hành.

[Nguyễn Đình Tư 1991], *Đường Phố Nội Thành TpHCM*. TpHCM: Chi Cục Bản Đồ Và Khảo Sát Xây Dựng và Nxb TpHCM, 1991.

[Nguyễn Trung Hậu 1957], *Đại Đạo Căn Nguyên*. Kiến Hòa: Thánh thất An Hội, 1957.

[Nguyễn Văn Hào 2002], *Chí Sĩ Nguyễn Quang Diêu – Một Lãnh Tụ Trọng Yếu Trong Phong Trào Đông Du Ở Miền Nam*. TpHCM: Nxb Trẻ và tạp chí Xưa & Nay, 2002.

[Nguyễn Văn Hồng 1], *Đạo Sĩ Nhựt Ký*. Quyển 1 (1925-1934). Bản thảo (1.213 trang).

[Paulus Của 1888], *Sách Quan Chế*. Sài Gòn: Bản in Nhà Nước, 1888.

Vĩnh Long: LÊ THỊ HỮU

☎ 0969263264

Các địa chỉ liên lạc để thỉnh kinh sách ấn tống (kính biểu):

Bạc Liêu:	LÊ QUỐC VIỆT	☎ 0919434444
Cà Mau:	NGUYỄN HỒNG TỪ PHƯỚC	☎ 0916028939
Đà Nẵng:	Lễ Sanh TRẦN THANH TỪ	☎ 0912949657
	ĐỖ THỊ KẾT	☎ 0985780369
	NGUYỄN THỊ LANG	☎ 0905008999
Giá Rai:	Thông Sự BÙI VĂN PHẤN	☎ 0914753392
Hộ Phòng:	LÊ QUỐC VIỆT	☎ 0919434444
Lâm Đồng:	NGUYỄN QUANG TÍN	☎ 0976505639
Long An:	PHẠM TRUNG QUỐC	☎ 0913780123
Long Khánh:	NGUYỄN VĂN ĐẠO	☎ 01693113723
Quảng Nam:	Giáo Hữu	☎ 0905870081
	THƯỢNG THUẬN THANH	
Quảng Ngãi:	Lễ Sanh NGUYỄN VĂN HIẾU	☎ 01287529557
Tây Nguyên:	NGUYỄN SANH	☎ 0902573623
Tây Ninh:	NGUYỄN VĂN NGHĨA	☎ 0987524949
TpHCM:	MINH QUANG Trần Văn Quang	☎ 0913613653

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo

HÀNH TRẠNG TIỀN KHAI LÊ VĂN TRUNG 1876-1934
Tác giả: HUỆ KHẢI

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc@yahoo.com
Điện thoại: 04.39260024 Fax: 04.39260031

*

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc Bùi Việt Bắc
Chịu trách nhiệm nội dung: Tổng biên tập Lý Bá Toàn
Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh
Bìa 4: Huệ Khải văn tập 慧啓文集
Thư pháp: Trương Lộ 張路
Trình bày bìa: Lê Anh Huy, Lê Anh Thu
Sửa bản in & Kỹ thuật: Nghệ Dũ Lan
Đối tác xuất bản: Lê Anh Dũng

*

In ba ngàn (3.000) cuốn, khổ 14,5x20,5cm, tại XN In FAHASA
774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.
Điện thoại: (08) 38153971 – Fax: (08) 38153297
Số XNKHXB 4422-2016/CXBIPH/09-101/HĐ
Số QĐXB của NXB: 0703/QĐ-NXBHĐ
cấp ngày 12-12-2016.
In xong và nộp lưu chiểu năm 2016.
Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-951-038-0